

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 7

Bài 2: Chủ đề “Yêu dân ca”

Tiết 4:

-Học hát: Bài Lí cây đa

Tiết 5:

+ Ôn bài hát :Lí cây đa

+ Nhạc lí : Nhịp 4

4

+ TĐN: TĐN số 2

Tiết 6:

+ Nhạc lí : Nhịp lấy đà

+ TĐN: TĐN số 3

Tiết 7 :

+Ôn tập đọc nhạc : TĐN số 3

+ Âm nhạc thường thức: Sơ lược về một vài nhạc cụ phương Tây

Tiết 5: (Tuần 5 : từ 04/10 – 09/10/2021)

Ôn bài hát: Lí cây đa

Nhạc lí : Nhịp 4/4

Tập đọc nhạc : TĐN số 2

1/ Ôn bài hát: “ Lí cây đa”

- Tập hát đúng giai điệu, thuộc lời bài hát “Lí cây đa”, tập thể hiện sắc thái, tính chất của bài hát.
- Tập hát kết hợp vận động theo nhạc, kết hợp Body Percussion.
- * Bài hát Lí cây đa (không lời):
<https://www.youtube.com/watch?v=SippxRsyAul>

2/ Nhạc lí : Nhịp 4

4

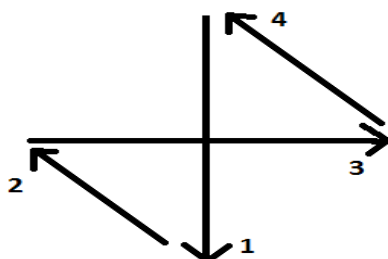
- Định nghĩa : Nhịp 4/4 còn có kí hiệu là nhịp C, mỗi nhịp có 4 phách, mỗi phách bằng một nốt đen. Phách thứ nhất là phách mạnh, phách thứ 2 là phách nhẹ, phách thứ 3 là phách mạnh vừa, phách thứ 4 là phách nhẹ. Nốt tròn có trường độ bằng 4 nốt đen.



- Cách đánh nhịp 4

4

Các em tập đánh nhịp theo sơ đồ sau: Mũi tên 1 (phách 1), mũi tên 2 (phách 2), mũi tên 3 (phách 3), mũi tên 4(phách 4)



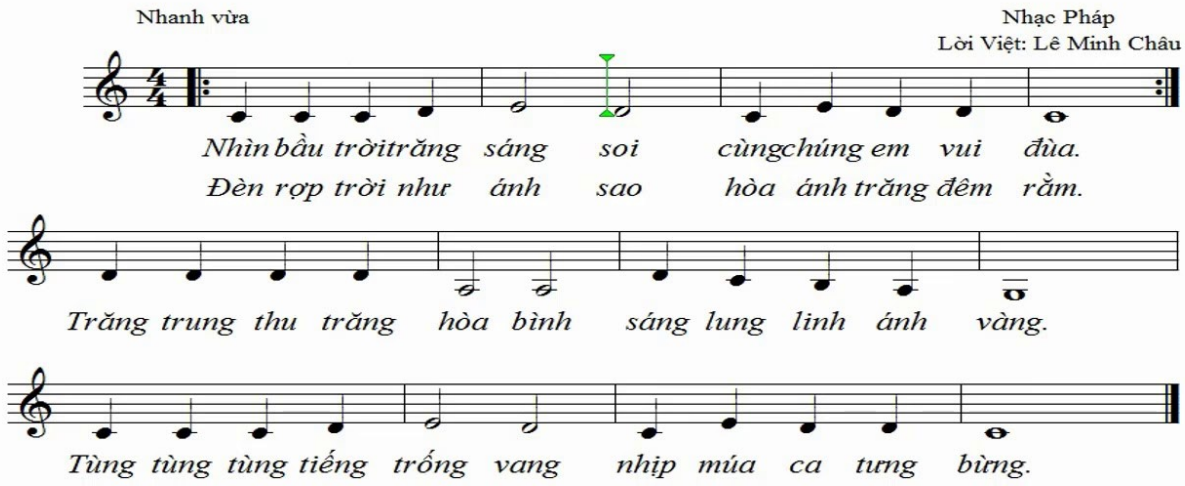
- Ứng dụng : Nhịp 4 thường được dùng trong các hành khúc, các bài hát trang nghiêm hoặc trữ tình.

3/ Tập đọc nhạc số 2 : Ánh trăng

Tập đọc nhạc: TĐN số 2
ÁNH TRĂNG

1

Nhanh vừa Nhạc Pháp
Lời Việt: Lê Minh Châu



Nhìn bầu trời trăng sáng soi cùng chúng em vui đùa.
Đèn rọi trời như ánh sao hòa ánh trăng đêm rằm.

Trăng trung thu trăng hòa bình sáng lung linh ánh vàng.

Tùng tùng tùng tiếng trống vang nhịp múa ca tung bừng.

Nhận xét về bài TĐN số 2:

- Nhịp $\frac{4}{4}$, giọng C (Đô trưởng)
 - Cao độ: Son – La – Si – Đô – Rê – Mi
 - Trường độ : Nốt đen – Nốt trắng – nốt tròn
 - Các kí hiệu khác : Dấu nhắc lại (câu 1)
 - Cấu trúc : gồm 4 câu
 - Câu 1: “Nhìn bầu trời vui đùa”
 - Câu 2: “ Đèn rọi trời đêm rằm”
 - Câu 3: “Trăng trung thu ánh vàng”
 - Câu 4: “ Tùng tùng tung bừng”.
 - Tập đọc bài TĐN số 2 (Ánh trăng): tập đọc từng câu, tập đọc cả bài, ghép lời ca.
- <https://www.youtube.com/watch?v=kHo1Clrqxns>

*** DẶN DÒ (giao nhiệm vụ):**

- Hát thuộc lời và kết hợp vận động theo nhạc (Body Percussion).

- Tập đánh nhịp 4

4

- Đọc đúng cao độ và tiết tấu bài TĐN số 2, ghép lời ca.

- Đọc bài TĐN số 2, kết hợp gõ tiết tấu , đánh nhịp

4

4

BÀI TẬP:

1. Kể tên những bài dân ca mà em biết?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đặt lời mới cho bài TĐN số 2 về chủ đề quê hương đất nước?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

CHÚC CÁC EM VUI, KHỎE, HỌC TỐT NHÉ!

Tiết 6: (Tuần 6 : từ 11/10 – 16/10/2021)

+ Nhạc lí : Nhịp lấy đà

+ Tập đọc nhạc: TĐN số 3

1/ Nhạc lí:

- Nhịp lấy đà : Còn gọi là nhịp thiếu, thường được đặt ở đầu bản nhạc hoặc bài hát.

Khăn quàng thắm mãi vai em

Nhịp nhàng – Vui tươi

Nhạc và lời : NGÔ NGỌC BÁU

Khi trông phương đông vừa hé ánh dương.

- Bài hát trên được viết ở nhịp 2 (mỗi ô nhịp gồm 2 phách) nhưng ô nhịp đầu tiên chỉ 4 có 1,5 phách thiếu 0,5 phách thì gọi là nhịp lấy đà.

2/ Tập đọc nhạc: TĐN SỐ 3 “Đất nước tươi đẹp sao”

Tập đọc nhạc: TĐN số 3
ĐẤT NƯỚC TƯƠI ĐẸP SAO

1

Nhạc Ma-lai-xi-a
 Lời Việt: Vũ Trọng Tường

Đẹp sao đất nước như bài thơ. Biển xanh thắp thoảng bao cánh
 (Ngày) mai như cánh chim Hải Âu. Vượt khơi bay khắp muôn phương

buồm. Dừa xanh ôm ấp bao nếp nhà. Êm ấm tiếng ru
 trời. Càng yêu tha thiết quê hương này, cùng tiếng hát ru

1. hời trên cánh nô tuổi thơ. Ngày...
 2. hời ngày ấu thơ êm... ...đềm

Nhận xét về bài TĐN số 3:

- Nhịp $\frac{4}{4}$, giọng C (Đô trưởng)
- Cao độ: Đô, Rê, Mi, Pha, Son, La, Si
- Trường độ : Móc đơn, nốt đen, nốt trắng, đen chấm dôi, trắng chấm dôi, lặng đen.
- Các kí hiệu : Khung thay đổi, dấu nhắc lại
- Cấu trúc : gồm 4 câu (2 lời)
 - Câu 1: “Đẹp sao bài thơ”
 - Câu 2: “ Biển xanh cánh buồm”
 - Câu 3: “Dừa xanh nếp nhà”
 - Câu 4: “ Êm ấm tuổi thơ”.
- Tập đọc bài TĐN số 3 (Đất nước tươi đẹp sao): tập đọc từng câu, tập đọc cả bài, ghép lời ca.

<https://www.youtube.com/watch?v=j2-gZpWomsQ>

*** DẶN DÒ (giao nhiệm vụ):**

- Tìm nhịp lấy đà trong một số bài hát mà em biết

- Đọc đúng cao độ và tiết tấu bài TĐN số 3, ghép lời ca.

- Đọc bài TĐN số 3, kết hợp gõ tiết tấu , đánh nhịp

4

4

PHIẾU HỌC TẬP

*****Hãy nêu những thắc mắc của các em khi học các nội dung ở tiết 6 nhé?**

.....

.....

.....

.....

CHÚC CÁC EM VUI, KHỎE, HỌC TỐT NHÉ!

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

Môn: Công Nghệ - Khối 7

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện yêu cầu

Mục tiêu trọng tâm: Biết được các biện pháp bảo vệ và cải tạo đất.

Chương I: Đại cương về kĩ thuật trồng trọt

Hoạt động dạy

Hoạt động học

Ghi chú

Giới thiệu bài học: Ở các tiết trước chúng ta đã tìm hiểu thành phần của đất và tính chất. Biết được cây trồng phụ thuộc chủ yếu vào tính chất. Tính chất đất không ổn định, thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Chúng ta sẽ tìm hiểu sang phần tiếp theo “Biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất”.

BÀI 6: BIỆN PHÁP SỬ DỤNG, CẢI TẠO VÀ BẢO VỆ ĐẤT

I/ Vì sao phải sử dụng đất hợp lí?

- Tỷ lệ dân số nước ta hiện nay đang tăng cao
- > Đó là lí do dẫn đến việc nhu cầu ăn uống tăng lên – dẫn đến phải trồng trọt nhiều hơn mới đáp ứng đủ nguồn lương thực, thực phẩm cho con người -> Cần sử dụng đất hợp lí.
- HS quan sát hình phía dưới cho biết có những biện pháp

| Biện pháp sử dụng đất | Mục đích |
|----------------------------------|----------|
| - Thâm canh tăng vụ | |
| - Không bỏ đất hoang | |
| - Chọn cây trồng phù hợp với đất | |
| - Vừa sử dụng đất, vừa cải tạo | |

nào để sử

- Hs đọc nội dung

- Hs quan sát hình và trả lời.

dụng đất hợp lí?

- Dựa vào các biện pháp hãy nêu mục đích?

Gv nhận xét và kết luận :

Gồm 4 biện pháp:

- Hs ghi bài

Do tỉ lệ dân số tăng cao mà diện tích đất trồng có hạn . Vì vậy phải sử dụng đất một cách hợp lí.

| | | | |
|--|--------------------------------|--|--|
| Biện pháp sử dụng đất | Mục đích | | |
| Thâm canh tăng vụ | Tăng sản lượng | | |
| Không bỏ đất hoang | Tăng diện tích canh tác | | |
| Chọn cây trồng phù hợp với đất | Tăng năng suất | | |
| Vừa sử dụng đất, vừa cải tạo | Tăng độ phì nhiêu | | |
| | | | |
| II. Biện pháp cải tạo và bảo vệ đất. | | | |
| <p>- Vì sao cần phải cải tạo đất?</p> <p>- Ở nước ta hiện nay có những loại đất nào cần bảo vệ?</p> <p>- Ở nước ta hiện nay có những loại đất nào cần cải tạo?</p> <p>- Để cải tạo đất, người ta áp dụng những biện pháp nào?</p> <p>Dựa vào hình dưới để trả lời câu hỏi trên:</p> <p>Gv nhận xét: Cải tạo đất để biến đổi đất kém phì nhiêu thành đất phì nhiêu.</p> <p>+ Đất cần bảo vệ: Đất phù sa</p> <p>+ Đất cần cải tạo: Đất mặn, chua, phèn, xám bạc màu</p> <p>- GV cho Hs biết các biện pháp cải tạo đất</p> <p>- Cày sâu, bừa kỹ bón phân hữu cơ</p> <p>- Làm ruộng bậc thang</p> <p>- Trồng xen cây nông nghiệp giữa các băng cây phân xanh</p> <p>- Bón vôi</p> <p>- Cày nông bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên</p> | | <p>- Hs trả lời câu hỏi.</p> <p>* HS ghi bài</p> <p>- Cày sâu, bừa kỹ bón phân hữu cơ</p> <p>- Làm ruộng bậc thang</p> <p>- Trồng xen cây nông nghiệp giữa các băng cây phân xanh</p> <p>- Bón vôi</p> <p>- Cày nông bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên</p> | |
| Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học | | | |
| Hoàn thành trắc nghiệm: | | | |
| <p>Câu 1: Thâm canh tăng vụ nhằm mục đích:</p> <p>A. Tăng sản lượng. B. Tăng năng suất.</p> <p>C. Tăng diện tích. D. Tăng độ phì nhiêu.</p> <p>Câu 2: Bón vôi nhằm mục đích:</p> | | <p>- Hs thực hiện các phần trắc nghiệm và tự luận.</p> | |

| | | | |
|---|---------------------|--|--|
| A. Giảm phèn. | B. Giảm mặn. | | |
| C. Giảm chua. | D. Tăng dinh dưỡng. | | |
| <u>Phần tự luận:</u> | | | |
| Câu 3: Em hãy kể tên các biện pháp cải tạo đất ? | | | |

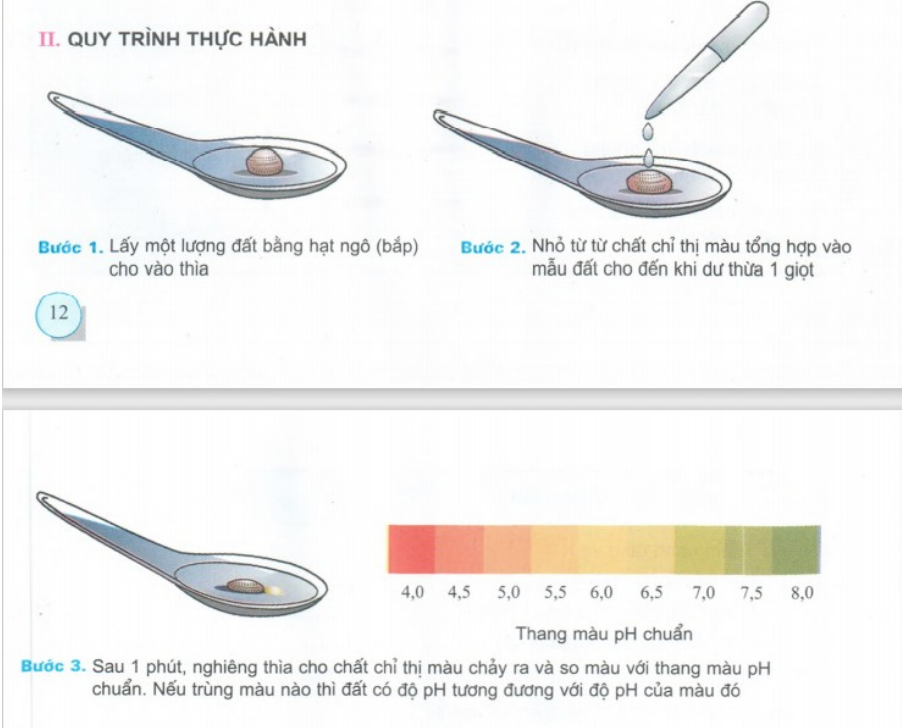
Tuần 4 : 27/09 – 2/10/2021

Tiết 4

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

Môn: Công Nghệ - Khối 7

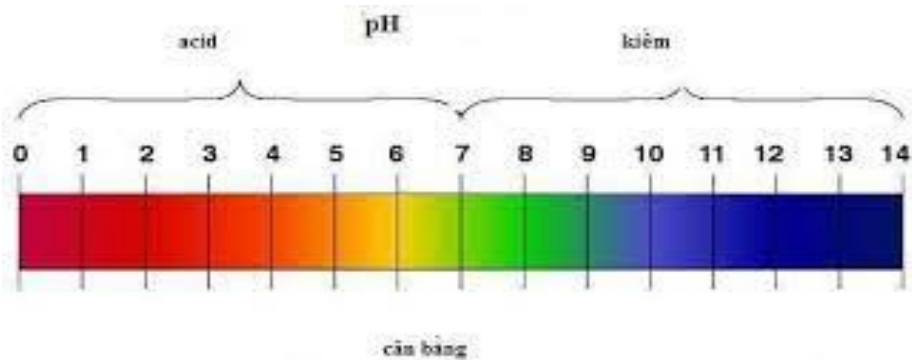
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện yêu cầu
Mục tiêu trọng tâm: Biết cách xác định được độ pH của đất

| Hoạt động dạy | Hoạt động học | Ghi chú |
|---|------------------|---------|
| Bài 5: THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH ĐỘ pH CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO MÀU | | |
| I. Vật liệu và dụng cụ : | | |
| - Lấy 2 mẫu đất khác nhau : mỗi mẫu một lượng bằng quả trứng gà (mẫu phải khô, sạch cỏ, đá , gạch) | - Hs tự chuẩn bị | |
| II. Quy trình thực hành | | |
|  <p>II. QUY TRÌNH THỰC HÀNH</p> <p>Bước 1. Lấy một lượng đất bằng hạt ngô (bắp) cho vào thìa</p> <p>Bước 2. Nhỏ từ từ chất chỉ thị màu tổng hợp vào mẫu đất cho đến khi dư thừa 1 giọt</p> <p>12</p> <p>Bước 3. Sau 1 phút, nghiêng thìa cho chất chỉ thị màu chảy ra và so màu với thang màu pH chuẩn. Nếu trùng màu nào thì đất có độ pH tương đương với độ pH của màu đó</p> <p>Thang màu pH chuẩn</p> | | |
| - GV hướng dẫn hs làm theo các bước + Bước 1: lấy một lượng đất bằng hạt ngô cho vào thìa + Bước 2: nhỏ từ từ chất chỉ thị màu tổng hợp vào mẫu | | |

- Hs ghi bài.

đặt cho đến khi dư thừa 1 giọt

+ **Bước 3:** sau 1 phút nghiêng thìa cho chất chỉ thị màu chảy ra và so với thang màu pH chuẩn



PHẦN GHI BÀI :

TỈ LỆ THỨC – TÍNH CHẤT DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU

I. TỈ LỆ THỨC

1. Định nghĩa

Tỉ lệ thức là đẳng thức của hai tỉ số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$

+ Ghi chú: + Trong tỉ lệ thức $a:b=c:d$, các số a, b, c, d được gọi là các số hạng của tỉ lệ thức.

+ a và d là các số hạng ngoài hay **ngoại tỉ**.

+ b và c là các số hạng trong hay **trung tỉ**.

?1 Từ các tỉ số sau đây có lập được tỉ lệ thức không ?

a) $\frac{2}{5}:4$ và $\frac{4}{5}:8$

b) $-3\frac{1}{2}:7$ và $-2\frac{2}{5}:7\frac{1}{5}$

Giải

a) Ta có: $\frac{2}{5}:4 = \frac{2}{5} \cdot \frac{1}{4} = \frac{1}{10}$
 $\frac{4}{5}:8 = \frac{4}{5} \cdot \frac{1}{8} = \frac{1}{10}$

$\Rightarrow \frac{2}{5}:4 = \frac{4}{5}:8$

Nên $\frac{2}{5}:4$ và $\frac{4}{5}:8$

Lập được tỉ lệ thức

b) Ta có: $-3\frac{1}{2}:7 = \frac{-7}{2} \cdot \frac{1}{7} = \frac{-1}{2}$
 $-2\frac{2}{5}:7\frac{1}{5} = \frac{-12}{5} : \frac{36}{5} = \frac{-12}{5} \cdot \frac{5}{36} = \frac{-1}{3}$

$\Rightarrow -3\frac{1}{2}:7 \neq -2\frac{2}{5}:7\frac{1}{5}$

Nên: $-3\frac{1}{2}:7$ và $-2\frac{2}{5}:7\frac{1}{5}$

Không lập được tỉ lệ thức

2. Tính chất

a) Tính chất 1 (tính chất cơ bản của tỉ lệ thức)

Xét tỉ lệ thức $\frac{18}{27} = \frac{24}{36}$

Nhân hai tỉ số của tỉ lệ thức này với tích **27.36**

Ta được: $\frac{18}{27} \cdot (27 \cdot 36) = \frac{24}{36} \cdot (27 \cdot 36)$

hay $18 \cdot 36 = 24 \cdot 27$

Nếu $\frac{18}{27} = \frac{24}{36}$ thì $18 \cdot 36 = 24 \cdot 27$

?? Bằng cách tương tự, từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ ta có thể suy ra **ad = bc** không ?

Xét tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$.

Nhân hai tỉ số của tỉ lệ thức này với tích **b.d**

Ta được $\frac{a}{b} \cdot (b \cdot d) = \frac{c}{d} \cdot (b \cdot d)$

hay $a \cdot d = b \cdot c$

Vậy: Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì **ad = bc**

b) Tính chất 2

Từ đẳng thức $18.36 = 24.27$. Ta có suy ra được tỉ lệ thức $\frac{18}{27} = \frac{24}{36}$ không?
Ta có thể làm như sau:

Chia 2 vế của đẳng thức $18.36 = 24.27$ cho tích **27.36**, ta được:

$$\frac{18.36}{27.36} = \frac{24.27}{27.36}$$

hay $\frac{18}{27} = \frac{24}{36}$

?3 Bằng cách tương tự, từ đẳng thức $ad = bc$,

ta có suy ra được tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ không?

Chia 2 vế của đẳng thức $ad = bc$ cho tích **b.d**

Ta được $\frac{a.d}{b.d} = \frac{b.c}{b.d}$ hay $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$

Vậy: Từ $ad = bc$ với $b, d \neq 0 \Rightarrow \frac{a}{b} = \frac{c}{d}$

Nếu $ad = bc$ và $a, b, c, d \neq 0$ thì ta có các tỉ lệ thức

$$\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$$

(1)

$$\frac{d}{b} = \frac{c}{a}$$

(2)

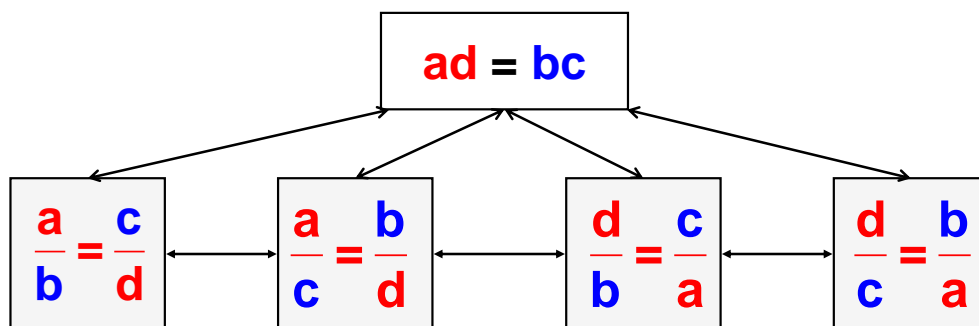
$$\frac{a}{c} = \frac{b}{d}$$

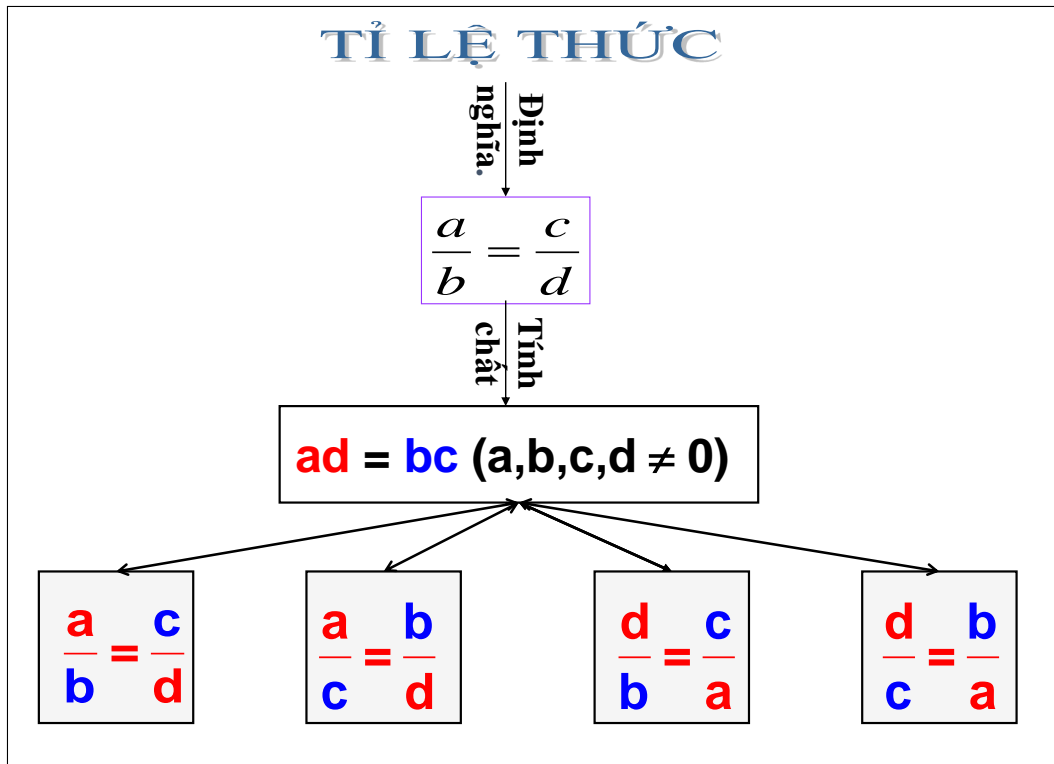
(3)

$$\frac{b}{a} = \frac{d}{c}$$

(4)

Như vậy: Với $a, b, c, d \neq 0$ từ **một** trong **năm** đẳng thức sau đây ta có thể suy ra các đẳng thức còn lại:





II. TÍNH CHẤT CỦA DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU

1. TÍNH CHẤT CỦA DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU

?1 SGK/28

Từ $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ suy ra $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d} = \frac{a-c}{b-d}$

Chứng minh:

Xét tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ gọi giá trị chung của các tỉ số đó là k, ta có: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = k$ (1)

Suy ra: $a = b.k$; $c = d.k$

Ta có: $\frac{a+c}{b+d} = \frac{kb+kd}{b+d} = \frac{k(b+d)}{b+d} = k$ (2) ($b+d \neq 0$)

$\frac{a-c}{b-d} = \frac{kb-kd}{b-d} = \frac{k(b-d)}{b-d} = k$ (3) ($b-d \neq 0$)

Từ (1), (2), (3) suy ra: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d} = \frac{a-c}{b-d}$ ($b \neq d; b \neq d$)

* Tính chất mở rộng:

Từ dãy tỉ số bằng nhau $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f} = \frac{a+c+e}{b+d+f} = \frac{a-c+e}{b-d+f}$ (giả thiết các tỉ số đều có nghĩa)

Áp dụng: Tìm hai số x và y, biết: $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x+y = 16$

Hướng dẫn giải:

Ta có : $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x+y = 16$

Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau:

$$\frac{x}{3} = \frac{y}{5} = \frac{x+y}{3+5} = \frac{16}{8} = 2$$

$$\text{Nên: } \frac{x}{3} = 2 \Rightarrow x = 2 \cdot 3 = 6$$

$$\frac{y}{5} = 2 \Rightarrow y = 2 \cdot 5 = 10$$

Vậy: $x = 6$ và $y = 10$

2. CHÚ Ý

Khi có dãy tỉ số $\frac{a}{2} = \frac{b}{3} = \frac{c}{5}$, ta nói các số a,b,c tỉ lệ với các số 2;3;5

Ta cũng viết: $a : b : c = 2 : 3 : 5$

?2. Dùng dãy tỉ số bằng nhau để thể hiện câu nói sau:

- Số học sinh của ba lớp 7A, 7B, 7C tỉ lệ với các số 8 ; 9 ; 10.

Áp dụng: Số viên bi của ba bạn Minh, Hùng, Dũng tỉ lệ với các số 2; 4; 5. Tính số viên bi của mỗi bạn, biết rằng ba bạn có tất cả 44 viên bi.

Hướng dẫn giải:

Gọi x, y, z lần lượt là số viên bi của Minh, Hùng, Dũng $(x, y, z \in \mathbb{N}^*)$

Theo bài ra, ta có: $\frac{x}{2} = \frac{y}{4} = \frac{z}{5}$ và $x + y + z = 44$

Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:

$$\frac{x}{2} = \frac{y}{4} = \frac{z}{5} = \frac{x+y+z}{2+4+5} = \frac{44}{11} = 4$$

Suy ra: $\frac{x}{2} = 4 \Rightarrow x = 4.2 = 8$

$$\frac{y}{4} = 4 \Rightarrow y = 4.4 = 16$$

$$\frac{z}{5} = 4 \Rightarrow z = 4.5 = 20$$

Vậy số bi của Minh, Hùng, Dũng lần lượt là: 8 viên, 16 viên, 20 viên.

Hướng dẫn về nhà:

- Học thuộc định nghĩa tỉ lệ thức.
- Học thuộc công thức của tính chất 1 và tính chất 2 của tỉ lệ thức
- Ôn tập tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.
- Bài tập về nhà: 56,58,60,61,64

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: TIẾNG ANH 7

Thời gian: Từ ngày 11/10/2021 đến ngày 16/10/2021
(Week 6, From period 11 to period 12)

Unit 3: AT HOME (cont)

Lesson 1: HOA'S FAMILY

(From page 35 to page 36)

I. Grammar

➤ **Comparison: So sánh**

✚ Có 3 loại so sánh:

1. So sánh bằng
2. So sánh hơn
3. So sánh nhất

Trong cuộc sống thì người ta thường dùng những tính từ để so sánh người này với người kia, vật này với vật kia và tính từ có 2 loại

- **Tính từ ngắn.** (1 âm tiết hay 1 vần)

Ex: Nice (đẹp, new (mới), old (cũ), big (lớn), tall (cao), short (thấp,ngắn), long (dài), cheap (rẻ).

- **Tính từ dài:** (tính từ có 2 âm tiết trở lên)

Ex: Expensive (đắt), tired (mệt mỏi), intelligent (thông minh), beautiful (đẹp).

1. **So Sánh bằng** : Không phân biệt tính từ dài hay ngắn

S+ to be (am, is , are) + AS + ADJ + AS.....

Ex1: My mother is as old as my father. (mẹ tôi thì già bằng ba tôi)

2. **So sánh hơn.** (comparative)

- Tính từ ngắn:

S+ to be (am, is, are) +short adj+ er + than + pronouns/ Noun

Ex1: *I am taller than you.*

Ex2: *Your father is older than my father.(mine).*

- Tính từ dài:

S + to(am, is, are) + more long adj + than + pronouns/ noun

Ex1: *My bike is more beautiful than your bike.(yours)*

Chú ý: Có những trường hợp ngoại lệ

- ✓ Những tính từ dài mà tận cùng có y, er, ow thì được xem như là tính từ ngắn.

Ex1: Happy (hạnh phúc) → happier (hạnh phúc hơn)

I am **happier** than you.

Ex2: Clever → cleverer

Narrow → narrower

- ✓ Những tính từ một vần mà tận cùng là phụ âm, mà trước nó là 1 nguyên âm thì ta gấp đôi phụ âm đó lên trước khi thêm er.

Ex1: big (lớn) – bigger (lớn hơn)

Her new school is **bigger** than her old school.

- ✓ Tính từ một vần tận cùng là ta bỏ e thêm er.

Late (trễ) → later (trễ hơn)

Nice (đẹp) → nicer (đẹp hơn)

3. **So sánh nhất** (superlatives)

- Tính từ ngắn:

S + be + the + short adj + est....

Ex: She is the **youngest** daughter in my family.

- Tính từ dài:

S + be + the most + long adj

Ex: Hoa is **the most intelligent** student in my class.

* **Ngoại Lệ** : Tính từ (adj) so sánh hơn và so sánh nhất

Good better best

bad worse worst

little less least

SMARTWORLD

Theme 2: MOVIES

Lesson 2: LITERATURE

(page 20 -21)

A. New words

- Novel (n) /'nɒvl/ : Cuốn tiểu thuyết
- Author (n) /'ɔ:θə(r)/ : tác giả

- Fairy tale (n) /'feəri teɪl/: chuyện cổ tích
- Award (n) /ə'wɔ:d/ : Phần thưởng
- Comic book (n) /'kɒmɪk bʊk/: chuyện tranh
- Type (n) /taɪp/ : Kiểu/ loại

a/ **Match the words with the descriptions. Check with a partner. Listen and repeat.**

| | |
|---------------|---|
| 1. novel | a. a story told using pictures |
| 2. author | b. the writer of a book or comics. |
| 3. fairy tale | c. a group of people or things that have something in common |
| 4. award | d. a children's story that may have kings, princesses and monsters. |
| 5. comic book | e. a book that tells a story about people and events. |
| 6. type | f. a prize for something that somebody has done. |

Answer:

| | | | | | |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 1-e | 2-b | 3-d | 4-f | 5-a | 6-c |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|

❖ **Listening:**

a. **You will hear a talk about famous books and movies.**

Listen and write "True" or "false"

- | | |
|--|--------------|
| 1. Batman is in comic books and movies | True |
| 2. The Harry Potter books won many awards. | True |
| 3. The Hunger Games was written by Bill Finger. | False |
| 4. Sherlock Holmes is in books, TV shows and movies. | True |

b. **Circle the correct words. Listen again and check.**

1. The stories in movies often come **from** / of famous novels.
2. Each book were / **was** read by millions of people.
3. It made a lot of money and **won** / win many awards.
4. The Sherlock Holmes books **have** / has been popular for more than 100 years.

✚ **Useful language**

1. **Have you read the Sherlock Holmes books? → Yes, I have.**
(Bạn đã từng đọc sách Sherlock Holmes chưa? Vâng, có đọc rồi)
2. **What kind of books are they? → They are detective books.**
(Chúng là những loại sách gì? → Chúng là những quyển sách trinh thám)
3. **Who's the author? → Sir Arthur Conan Doyle**
(Ai là tác giả? → Arthur Conan Doyle là tác giả)
4. **What are they about? → They're about a detective in London**
(Chúng nói về cái gì? → Chúng nói về một trinh thám ở London)

❖ **Reading**

a. **Read the article and choose the best headline. Fill in the blank.**

1. **The Vietnam Film Festival**
2. **A Vietnamese Novel and Movie**

3. Vietnamese TV shows

Headline: A Vietnamese Novel and Movie

Tam Tran, June 21

The novel Yellow Flowers on the Green Grass (Toi Thay Hoa Vang Tren Cỏ Xanh) is popular with both Vietnamese teenagers and adults. It was written by Nguyen Nhat Anh and was made into a movie in 2015. It's about two brothers and a girl called Moon. The movie makes people remember their childhood. It was successful and won four awards at the 19th Vietnam Film Festival. Many Vietnamese people read the book and seen the movie.

| | | |
|--|---------------------------------------|--|
| b/ Read the article again and circle "True" or "false". | | |
| 1/ Nguyen Nhat Anh is the author of Yellow Flowers on the Green Grass. | <input checked="" type="radio"/> True | <input type="radio"/> False |
| 2/ Yellow Flowers on the Green Grass was written in 2015 | <input type="radio"/> True | <input checked="" type="radio"/> False |
| 3/ The story is about two brothers and a girl. | <input checked="" type="radio"/> True | <input type="radio"/> False |
| 4/ The movie makes people think about their future. | <input type="radio"/> True | <input checked="" type="radio"/> False |
| 5/ The movie won four awards. | <input checked="" type="radio"/> True | <input type="radio"/> False |

Unit 3: Homework

I. Multiple choice:

- France is _____ Belgium.
A. more large than B. the largest of C. larger than D. largest than
- I think London is _____ than Paris.
A. more exciting B. much exciting C. most exciting D. most excited
- Russia is _____ country in the world.
A. bigger than B. the biggest C. the bigger D. biggest than
- I live _____ 12 Tran Hung Dao street.
A. in B. on C. at D. into
- We live in a big _____ next to her house
A. river B. lake C. apartment D. mountain
- This is the machine for washing dishes. It's a _____.
A. television B. refrigerator C. dishwasher D. armchair
- This room you always use for cooking. It's the _____
A. bathroom B. rest - room C. living room D. kitchen
- This food is very _____. You must try it once in your life.

- A. lovely B. delicious C. beautiful D. terrible
9. You can use _____ for keeping these fruits fresh.
 A. refrigerator B. washing machine C. electric stove D. dryer
10. They put the chairs _____ the middle of their garden.
 A. in B. at C. on D. of

II. Rearranging:

1. have / any brothers or sisters / you / do / ?
 → _____
2. is / that one / more expensive / this house / than / .
 → _____
3. for you / I / some good news / have / .
 → _____
4. you / when we come, / will call / we / .
 → _____
5. also the cheapest / is / luckily, / the nicest apartment.
 → _____

III. Word form.

1. Who will she _____ to her party? (invitation)
2. Why is Hoa _____ ? (worry)
3. I hope you will come and join the _____. (funny)
4. Nam won't do his _____ tonight. (home)
5. My _____ is on May 15th . (birth)
6. Her birthday is on the _____ of August. (twelve)
7. How old will you be on _____ next birthday. (you)
8. There are forty _____ in my class. (study)
9. How many _____ are there in your class? (person)
10. She won't be _____ because she doesn't have any friends. (happiness)

Answer key

I. Multiple choice:

1. France is _____ Belgium.
 A. more large than B. the largest of **C. larger than** D. largest than
2. I think London is _____ than Paris.

- A. more exciting** B. much exciting C. most exciting D. most excited
3. Russia is _____ country in the world.
 A. bigger than **B. the biggest** C. the bigger D. biggest than
4. I live _____ 12 Tran Hung Dao street.
 A. in B. on **C. at** D. into
5. We live in a big _____ next to her house
 A. river B. lake **C. apartment** D. mountain
6. This is the machine for washing dishes. It's a _____.
 A. television B. refrigerator **C. dishwasher** D. armchair
7. This room you always use for cooking. It's the _____.
 A. bathroom B. rest - room C. living room **D. kitchen**
8. This food is very _____. You must try it once in your life.
 A. lovely **B. delicious** C. beautiful D. terrible
9. You can use _____ for keeping these fruits fresh.
A. refrigerator B. washing machine C. electric stove D. dryer
10. They put the chairs _____ the middle of their garden.
A. in B. at C. on D. of

II. Rearrange:

1. have / any brothers or sisters / you / do / ?
 → ***Do you have any brothers or sisters?***
2. is / that one / more expensive / this house / than / .
 → ***This house is more expensive than that one.***
3. for you / I / some good news / have / .
 → ***I have some good news for you.***
4. you / when we come, / will call / we / .
 → ***When we come, we will call you.***
5. also the cheapest / is / luckily, / the nicest apartment.
 → ***Luckily, the nicest apartment is also the cheapest.***

III. Word form

1. Who will she __ **invite** __ to her party? (invitation)
2. Why is Hoa __ **worried** __ ? (worry)
3. I hope you will come and join the __ **fun** __. (funny)
4. Nam won't do his __ **homework** __ tonight. (home)

5. My **birthday** is on May 15th . (birth)
6. Her birthday is on the **twelfth** of August. (twelve)
7. How old will you be on **your** next birthday. (you)
8. There are forty **students** in my class. (study)
9. How many **people** are there in your class? (person)
10. She won't be **happy** because she doesn't have any friends. (happiness)

The end

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN: TIẾNG ANH 7

Thời gian: Từ ngày 4/10/2021 đến ngày 09/10/2021

(Week 5, From period 09 to period 10)

Unit 3 : AT HOME

Lesson 1: WHAT A LOVELY HOME!

I. New words:

| | |
|-------------------------------|----------------------------|
| awful (adj) /'ɔ:fl/ | : Kinh khủng , tồi tệ |
| comfortable (adj) /'kʌmfɔ:bl/ | : Thoải mái, dễ chịu |
| favorite (adj) /'feivərɪt/ | : ưa thích, ưu chuộng |
| rest (n) /rest/ | : phần còn lại, số còn lại |
| tub (n) /tʌb/ | : bồn tắm |
| dishwasher (n) /'dɪʃwɔ:ʃə(r)/ | : máy rửa bát đĩa |
| amazing (adj) /ə'meɪzɪŋ/ | : đáng ngạc nhiên |
| stove (n) /stəʊv/ | : cái lò, cái bếp |
| apartment (n) /ə'pɑ:tmənt/ | : căn hộ |
| complaint (n) /kəm'pleɪnt/ | : lời phàn nàn, lời kêu ca |
| compliment (n) /'kɒmplɪmənt/ | : lời khen ngợi |
| delicious (adj) /dɪ'liʃəs/ | : ngon |
| lovely (adj) /'lʌvli/ | : đáng yêu |
| delightful (adj) /dɪ'laɪtfl/ | : thú vị, vui sướng |
| dryer (n) /'draɪə(r)/ | : máy sấy |
| empty (adj) /'empti/ | : (nhà) chưa có người ở |
| expensive (adj) /ɪk'spensɪv/ | : đắt |
| furnished (n) /'fɜ:nɪʃt/ | : nội thất |
| horrible (adj) /'hɒrəbl/ | : khủng khiếp |
| terrible (adj) /'terəbl/ | : kinh khủng |

=> Học sinh xem bài A1, SGK, trang 29 và trả lời câu hỏi:

Now answer.

- Which rooms do Hoa and Lan talk about?
➤ *They talk about the living room, the bathroom, Hoa's room and the kitchen.*
- Why does Lan like Hoa's room?
➤ *Lan likes Hoa's room because it's bright and its colors are nice.*
- What is in the bathroom?
➤ *There are a sink, a tub and a shower in the bathroom.*
- What is in the kitchen?

- *In the kitchen, there is a washing machine, a dryer, a refrigerator, a dishwasher, an electric stove...*

About you.

- e. How many rooms are there in your house/ apartment?
➤ *There are..... in my house (/ in my apartment)*
- f. What things are there in your room/ kitchen/ bathroom?
➤ *There is.....in my room(/ in the kitchen/ in the bathroom)*

II. Grammar.

1. Exclamatory sentences(Câu cảm thán):

- Câu cảm thán là câu thường bắt đầu bằng How hoặc What và tận cùng bằng dấu cảm thán(!).
- Câu cảm thán là câu dùng để bày tỏ cảm xúc hoặc thái độ (ngạc nhiên, thán phục, thú vị, tội nghiệp, ghê tởm...) trước một người, một vật hay một sự việc nào đó.
 - *Với what:*

What a/an + adj+ noun (+ subject + verb)!

Ex1: What a lovely *home!* (*Thật là một ngôi nhà đáng yêu!*)

Ex2: What an awful *day!* (*Thật là một ngày tồi tệ!*)

Ex3: What a nice cap *he has!* (*Anh ấy có cái mũ đẹp quá!*)

What + adj + plural noun!

Ex1: What interesting *books!*(*Những quyển sách thú vị làm sao!*)

Ex2: What nice *houses!* (*Những ngôi nhà xinh quá!*)

What + adj + uncountable noun!

Ex1: What hot *water!* (*Nước nóng quá!*)

Ex2: What delicious *rice!* (*Cơm ngon quá!*)

- ❖ **Note:** *Với các danh từ không đếm được hoặc danh từ đếm được số nhiều thì không dùng mạo từ a/ an.*

- *Với How:*

How + adj + S + to be!

Ex1: How beautiful she is! (*Thật là một cô gái đẹp!*)

Ex2: How nice that child looks! (*Đứa trẻ đó trông đẹp làm sao!*)

How + adverb + S+V!

Ex1: How carelessly he drives! (*cậu ấy lái xe bất cẩn làm sao!*)

2. Prepositions of position (giới từ chỉ địa điểm, vị trí)

- **On:** Trên, ở trên
Ex: There are two pictures on the wall. (Có hai bức tranh trên tường)

- **In:** Trong, ở trong
Ex: She lives in a small house in town. (Cô ấy sống trong một ngôi nhà ở thị trấn).
- **Under:** dưới, ở dưới
Ex: The puppy is under the table. (con chó con ở dưới gầm bàn)
- **Near:** Gần
Ex: My house is near a supermarket. (Nhà tôi thì gần một siêu thị)
- **Next to:** Bên cạnh, sát.
Ex: Lan sits next to Minh in class. (Lan ngồi cạnh Minh trong lớp học)
- **Behind:** Phía sau, đằng sau
Ex: There are some big trees behind my house.
(có vài cây lớn phía sau nhà tôi.)
- **In front of:** Phía trước, đằng trước
Ex: The bus stops in front of our house.
(Xe buýt đậu trước nhà chúng tôi.)

3. There is / there are: Có nghĩa là có và nó thay thế cho **S+ have/has....**

- Dùng để nói lên sự tồn tại của con người hay vật ở một nơi nào đó.

➤ **Câu khẳng định**

a. There is

| |
|--|
| There is + a/an + singular nouns (danh từ số ít) |
|--|

| |
|---|
| There is + uncountable nouns (danh từ không đếm được) |
|---|

Ex1:- There is a market near my house. (a market là danh từ số ít)

- There is an apple on the table. (an apple là danh từ số ít)

Ex2: There is hot water in the bottle. (hot water là danh từ không đếm được)

Note: *Đứng trước những nguyên âm (u, e, o, a, i) thì ta dùng mạo từ “ an”*

Ex: an umbrella, an ear, an orange, an apple, an ink-pot.

Ngoại lệ: an hour /'aʊə(r)/ và a university /,ju:nɪ'vɜ:səti/

b. There are

| |
|--|
| There are + some/number/ many+ plural nouns (danh từ số nhiều đếm được) |
|--|

Ex1: There are some big trees in the garden.

Ex2: There are two trees in the garden.

Ex3: There are many trees in the garden.

➤ **Câu phủ định:**

| |
|--|
| There isn't + a/ an + singular nouns. |
|--|

| |
|---|
| There isn't + any + singular nouns |
|---|

| |
|--|
| There aren't + any + plural nouns |
|--|

Ex1: There isn't a gym in my apartment.

Ex2: There isn't any sugar in the jar.

Ex3: There aren't any trees in the garden.

➤ **Câu nghi vấn (câu hỏi):**

Is there + a/ an + singular nouns.....?

Is there + any + singular nouns.....?

Are there + any + plural nouns.....?

Ex1: Is there a bus station near here?

Ex2: Is there any juice in the bridge?

✓ **Yes, there is / No, there isn't.**

Ex3: Are there any parks in your area?

→ Yes, there are./ No, there aren't.

❖ **Note:** Some / any : một vài / một ít

- SOME: dùng trong câu khẳng định

- ANY : dùng trong câu phủ định và câu nghi vấn.

4. How many...? Bao nhiêu?

How many + plural (countable) nouns + are there?

→There is + a/ an + Noun.

→There are + some/ number/ many + Nouns

Ex: How many schools are there in your area?

→ There is one school. / There is a school.

→There are three schools. / There are some schools.

Lesson 2: HOA' S FAMILY

(Pages: 33 and 34)

+ Học sinh đọc bài B1, SGK trang 33 và trả lời câu hỏi:

B1. Listen. Then practice with a partner.

Lan: Tell me about your family, Hoa.

What does your father do?

Hoa: He's a farmer. He works on our farm in the countryside.

He grows vegetables and raises cattle.

Lan: What about your mom? What does she do?

Hoa: She's always busy. She works hard from morning till night.

She does the housework, and she helps on the farm.

Lan: Do they like their jobs?

Hoa: Yes, they love working on their farm.

Lan: Do you have any brothers or sisters?

Hoa: Yes, I have a younger sister. She's only 8.

Here is a photo of her.

Now answer:

a. What does Hoa's father do?

Hoa's father is a farmer.

b. Where does he work?

He works on our farm in the countryside.

c. What is her mother's Job?

She is a housewife

d. What does she do every day?

She does the housework and helps her husband on the farm every day.

e. Are they happy?

Yes, they are.

f. How old is Hoa's sister?

She is 8 years old.

+ Học sinh đọc nội dung bài B2, SGK, trang 34 và trả lời câu hỏi:

B2.Read.

What about Lan's family?

What do her parents do?

Her father is a doctor. He works in a hospital. He takes care of sick children.

Her mother is a teacher. She teaches in a primary school.

Lan has an elder brother. He is a journalist. He writes for a Ha Noi newspaper.

Now practice with a partner

a) Talk about Lan's family

What does her father/ mother/ brother do?

Where does he/ she work?

➤ ***Lan's father is a doctor. Her mother is a teacher. Her brother is a journalist.***

b) About you:

Talk about your family.

Where does your father/ mother/ brother/ sister work?

What does he/ she do?

➤ ***There are four people in my family. My father is an electronic engineer. He works for a company near my house. My mother is a teacher. She teaches in a primary school. My sister is a student. She goes to school every day. I am a student, too.***

*** Grammar**

A. Present simple tense. (Thì hiện tại đơn)

❖ **Hỏi về nghề nghiệp. Có hai cách hỏi.**

5. Questions:

| |
|---|
| (cách 1) : What do/ does+ subject + do? (.....làm nghề gì) |
| (Cách 2) : What + is + your/his/ her...Job? (Công việc củalà gì) |

Ex1: What do you do? (*Bạn/ các bạn làm nghề gì?*)

What is your job? (*Công việc của bạn/ các bạn là gì?*)

6. Answer:

| |
|---|
| S+ be(am. Is , are) + noun. (Trong đó noun là danh từ chỉ nghề nghiệp) |
|---|

Ex: I am a student. (*Tôi là một học sinh.*)

❖ **Hỏi về nơi làm việc.**

7. Questions.

| |
|--|
| Where do/ does +subject + work? |
|--|

Ex: Where do they work? (*Họ làm việc ở đâu?*)

Ex: Where does your mother do? (*Mẹ bạn làm việc ở đâu?*)

8. Answer:

| |
|--|
| Subject + work/ works + Cụm từ chỉ nơi chốn |
|--|

Ex: They work in a factory. (*Họ làm việc trong một nhà máy.*)

Ex: My mother works in a hospital. (*Mẹ tôi làm việc trong một bệnh viện.*)

Unit 3: **HOMEWORK**

I. Multiple choice:

- We live in a big _____ next to her house
A. river B. lake C. apartment D. mountain
- This is the machine for washing dishes. It's a _____.
A. television B. refrigerator C. dishwasher D. armchair
- This room you always use for cooking. It's the _____.
A. bathroom B. rest - room C. living room D. kitchen
- This food is very _____. You must try it once in your life.
A. lovely B. delicious C. beautiful D. terrible
- You can use _____ for keeping these fruits fresh.
A. refrigerator B. washing machine C. electric stove D. dryer
- Open the _____ please! It's very hot here.
A. Window B. television C. refrigerator D. armchair

7. She put all the dirty clothes into the _____
 A. Dishwasher B. electric stove C. washing machine D. dryer
8. They put the chairs _____ the middle of their garden.
 A. in B. at C. on D. of
9. There _____ a sink, a tub and a shower in the bathroom.
 A. is B. are C. have D. has
10. _____ take care of sick people.
 A. Doctor B. Teachers C. Farmers D. Journalists

II. Rearranging:

1. an / what / day / awful / !
 → _____
2. you / some orange juice / like / would / ?
 → _____
3. are there / in your house / rooms / how many / ?
 → _____
4. me / your family / tell / about / .
 → _____
5. she / from morning / works hard / till night / .
 → _____

III. Word form :

1. I feel _____ in that armchair. (comfort)
 2. What a _____ living room! (love)
 3. Blue and red are my _____ colors. (favor)
 4. What a _____ day! (beauty)
 5. What an _____ kitchen! (amaze)

IV. Verb form:

1. Mr and Mrs.Binh want (have)_____ a new house.
 2. She (eat)_____ some fish at the moment.
 3. My brother always (listen)_____ to music in his free time
 4. I (be)_____ tired now. I (want)_____ some water.
 5. Nam (go)_____ to school every day.
 6. Look! She (play)_____ soccer.
 7. They hope they (have)_____ a big house.
 8. We (visit)_____ Ha Long Bay next week.
 9. Mai and Lan (go)_____ to the zoo once a month.
 10. He (buy)_____ a new house next month?

VI. Transformation:

1. This house is very nice.
 ⇒ What _____ !
2. The clock is above the refrigerator
 ⇒ The refrigerator _____
3. What does he do?
 ⇒ What _____ ?
4. It is a terrible dish.
 ⇒ What _____ !

5. These are expensive rings.

⇒What _____ !

Answer key

I. Multiple choice:

- We live in a big _____ next to her house
A. river B. lake **C. apartment** D. mountain
- This is the machine for washing dishes. It's a _____.
A. television B. refrigerator **C. dishwasher** D. armchair
- This room you always use for cooking. It's the _____.
A. bathroom B. rest - room C. living room **D. kitchen**
- This food is very _____. You must try it once in your life.
A. lovely **B. delicious** C. beautiful D. terrible
- You can use _____ for keeping these fruits fresh.
A. refrigerator B. washing machine C. electric stove D. dryer
- Open the _____ please! It's very hot here.
A. Window B. television C. refrigerator D. armchair
- She put all the dirty clothes into the _____.
A. Dishwasher B. electric stove **C. washing machine** D. dryer
- They put the chairs _____ the middle of their garden.
A. in B. at C. on D. of
- There _____ a sink, a tub and a shower in the bathroom.
A. is B. are C. have D. has
- _____ take care of sick people.
A. Doctor B. Teachers C. Farmers D. Journalists

II. Rearrange:

1. an / what / day / awful / !

→ **What an awful day!**

2. you / some orange juice / like / would / ?

→ **Would you like some orange juice?**

3. are there / in your house / rooms / how many / ?

→ **How many rooms are there in your house?**

4. me / your family / tell / about / .

→ **Tell me about your family.**

5. she / from morning / works hard / till night / .

→ **She works hard from morning till night.**

III. WORD FORM :

1. I feel comfortable in that armchair. (comfort)

2. What a lovely living room! (love)

3. Blue and red are my favorite colors. (favor)

4. What a beautiful day! (beauty)

5. What an amazing kitchen! (amaze)

IV. Verb form:

1. Mr and Mrs.Binh want (have) to have a new house.

2. She (eat) is eating some fish at the moment.

3. My brother always (listen) listens to music in his free time

4. I (be) am tired now. I (want) want some water.

5. Nam (go) goes to school every day.

6. Look! She (play) is playing soccer.

7. They hope they (have) will have a big house.

8. We (visit) will visit Ha Long Bay next week.

9. Mai and Lan (go) go to the zoo once a month.

10. He (buy) will buy a new house next month?

V. Transformation:

1. This house is very nice.

⇒ What **a nice house!**

2. The clock is above the refrigerator

⇒ The refrigerator *is under the clock.*

3. What does he do?

⇒ What *is his job?*

4. It is a terrible dish.

⇒ What *a terrible dish!*

5. These are expensive rings.

⇒ What *expensive rings!*

The end

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD 7

(Giai đoạn 3: Từ 04/10-16/10/2021)

BÀI 3. TỰ TRỌNG

I. Truyện đọc

“Một tâm hồn cao thượng”

- Vì sao Rô-be lại nhờ em mình trả lại tiền cho người mua diêm?

.....
.....
.....

- Em có nhận xét gì về hành động của Rô-be?

.....
.....
.....

- Hành động của Rô-be thể hiện đức tính gì?

.....
.....

- Hành động của Rô-be tác động đến tác giả như thế nào?

.....
.....
.....

II. Nội dung bài học

- Em hiểu thế nào là tự trọng?

.....
.....
.....

- Hãy nêu những hành vi biểu hiện lòng tự trọng?

.....
.....
.....

- Hành vi biểu hiện không có lòng tự trọng?

.....
.....
.....

Ghi nhớ.

1. Thế nào là tự trọng ?

Tự trọng là biết coi trọng và giữ phẩm cách, biết điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với chuẩn mực của xã hội .

2. Biểu hiện:

- Cư xử đàng hoàng, đúng mực, biết giữ lời hứa,
- Luôn làm tròn nhiệm vụ.

3. Ý nghĩa

- Lòng tự trọng giúp ta có nghị lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ;
- Nâng cao phẩm giá, uy tín cá nhân.
- Được sự quý trọng của mọi người.

- Tục ngữ: - *Chết vinh còn hơn sống nhục.*
- *Đói cho sạch, rách cho thơm.*

III. Luyện tập

1. Em hãy cho biết, trong các hành vi sau đây, hành vi nào thể hiện tính tự trọng? Giải thích vì sao?

- Không làm được bài, nhưng kiên quyết không quay cóp và không nhìn bài của bạn.
- Dù khó khăn đến mấy cũng cố gắng thực hiện bằng được lời hứa của mình.
- Khi có khuyết điểm và được nhắc nhở, Nam đều vui vẻ nhận lỗi nhưng chẳng mấy khi sửa chữa.
- Chỉ những bài kiểm tra nào được điểm cao Tâm mới đem khoe với bố mẹ, còn điểm kém thì giấu đi.

.....
.....
.....
.....
.....

Dặn dò: Hoàn thành phiếu học tập

Đọc trước nội dung bài 4: Đạo đức và kỉ luật

CHỦ ĐỀ: THỂ HIỆN QUAN HỆ VỚI CÔNG VIỆC

Bài 4. ĐẠO ĐỨC VÀ KỈ LUẬT

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

- HS hiểu được thế nào là đạo đức, kỉ luật.
- Mối quan hệ giữa đạo đức và kỉ luật
- Ý nghĩa của việc rèn luyện tính đạo đức và kỉ luật

2. Kỹ năng

- HS tự đánh giá hành vi của cá nhân, cộng đồng theo chuẩn mực xã hội.

3. Thái độ

- HS có thái độ tôn trọng kỉ luật, phê phán thói tự do vô kỉ luật.

II. Nội dung bài học

Em hiểu đạo đức là gì?

.....
.....
.....
.....
.....

Kỉ luật là gì?

- Là những quy định chung của một cộng đồng hoặc của một tổ chức xã hội yêu cầu mọi người phải tuân theo.
- Tạo ra sự thống nhất hành động để đạt hiệu quả, chất lượng cao

3. Mối quan hệ giữa đạo đức và kỉ luật:

- Người có đạo đức là người tự giác tuân theo kỉ luật
- Người chấp hành tốt kỉ luật là người có đạo đức

4. Ý nghĩa:

Người có đạo đức và biết tuân thủ kỉ luật được mọi người tôn trọng, quý mến.

Dặn dò: Hoàn thành nội dung bài học và bài tập.

Xem trước bài 5, bài 7/Sgk

TIẾT 12: ÔN TẬP

- I. Các thành phần nhân văn của môi trường
II. Các môi trường địa lí (môi trường đới nóng)

NỘI DUNG CẦN ĐẠT:

- Củng cố những kiến thức cơ bản về dân cư, chủng tộc, quần cư và đô thị hoá.
- Các đặc điểm của môi trường đới nóng (MT xích đạo ẩm, MT nhiệt đới, MT nhiệt đới gió mùa.
- Sức ép của dân số tới tài nguyên và môi trường đới nóng.

I. Các thành phần nhân văn của môi trường:

Câu 1: Những nội dung của một tháp tuổi?

.....
.....
.....

Câu 2: Tình hình dân số trong 2 thế kỉ XIX và XX?

.....
.....
.....

Câu 3: Các biện pháp giảm gia tăng dân số?

.....
.....
.....
.....

Câu 4: Cách tính mật độ dân số. Tính mật độ dân số của các quốc gia sau:

| Tên quốc gia | Dân số (triệu người) | Diện tích (km ²) | Mật độ dân số (người/ km ²) |
|--------------|---------------------------|-------------------------------|---|
| Việt Nam | 99,9 | 331 212 | |
| Hoa Kỳ | 330,2 | 9 525 067 | |
| Trung Quốc | 1437,5 | 9 596 961 | |

.....
.....
.....
.....

Câu 5: Sự phân bố dân cư trên thế giới thể hiện như thế nào?

.....
.....
.....

Câu 6: Sự khác nhau cơ bản của quần cư đô thị và quần cư nông thôn?

.....
.....
.....

Câu 7: Đọc lược đồ các siêu đô thị trên thế giới có từ 8 triệu dân trở lên (năm 2000) tên các siêu đô thị ở Châu Á có từ 8 triệu dân trở lên.

.....
.....
.....

II. Các môi trường địa lí (Đới nóng)

Câu 8: Vị trí, đặc điểm tự nhiên của đới nóng? Kể tên các kiểu môi trường của đới nóng.

.....
.....
.....

Câu 9: Môi trường xích đạo ẩm có những đặc điểm gì? (vị trí, khí hậu, cảnh quan sinh vật)

.....
.....
.....

Câu 10: Đặc điểm của khí hậu nhiệt đới? Thảm thực vật thay đổi như thế nào khi đi dần về phía hai chí tuyến?

.....
.....
.....

Câu 11: Đặc điểm nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa?

.....
.....
.....

Câu 12: Sức ép của dân số tới tài nguyên và môi trường ở đới nóng như thế nào?

.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC
BÀI 12: THỰC HÀNH
NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG.

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm khí hậu Xích đạo ẩm, nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa.
- Biết đặc điểm của các kiểu môi trường ở đới nóng.
- Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa với chế độ sông ngòi, giữa khí hậu với môi trường .
- Nhận biết các môi trường của đới nóng qua ảnh địa lí , biểu đồ nhiệt độ lượng mưa .

Nội dung bài học:

2.1. Hoạt động 1: Phân tích hình ảnh để tìm hiểu các môi trường

Bài tập 1: Quan sát hình A, B, C sgk trang 39 và mô tả theo gợi ý:

- *Khí hậu như thế nào? (nhiệt độ, lượng mưa)*
- *Sinh vật (cảnh quan, động vật)?*
- *Sông ngòi, đất đai?*

Hướng dẫn làm bài

+ Ảnh A:

- Cảnh sa mạc cát Xa-ha-ra.
- Những cồn cát lượn sóng.
- Khí hậu khô nóng, không có thực vật và động vật.
- **Môi trường hoang mạc nhiệt đới .**

+ Ảnh B

- Cảnh đồng cỏ công viên Se-ra-gat xen cây bụi gai một số cây thân gỗ lớn.
- Khí hậu nhiệt độ cao, lượng mưa thay đổi theo mùa .
- Môi trường nhiệt đới .**

+ Ảnh C

- Rừng rậm nhiều tầng Bắc Công - gô
- Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm, xông nhiều nước.
- **Môi trường xích đạo ẩm.**

2.2. Hoạt động 2: Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa

Bài tập 4: Học sinh quan sát biểu đồ A, B, C, D, E để trả lời các câu hỏi:

? Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất vào tháng nào? Bao nhiêu °C?

? Lượng mưa trung bình năm là bao nhiêu? Phân bố như thế nào?

Căn cứ vào yếu tố nhiệt độ để loại trừ sau đó xét tiếp chế độ mưa tìm ra biểu đồ thích hợp.

- *Đới nóng nhiệt độ trung bình là bao nhiêu ?*
- *Căn cứ vào yếu tố nhiệt độ loại trừ biểu đồ nào ?*
- *Biểu đồ còn lại thuộc kiểu môi trường nào ?*

Hướng dẫn làm bài

+ Biểu đồ A: Có nhiều tháng nhiệt độ xuống thấp dưới 15°C vào mùa hạ, lượng mưa trong năm thấp \rightarrow Không phải là đới nóng (loại bỏ).

+ Biểu đồ B: Nóng quanh năm trên 20°C và có 2 lần nhiệt độ lên cao trong năm, mưa nhiều vào mùa hạ \rightarrow *Thuộc đới nóng.*

+ Biểu đồ C: Nhiệt độ tháng cao nhất vào mùa hạ không quá 20° , mùa đông ẩm áp không xuống dưới quá 5°C , mưa quanh năm \rightarrow Không phải là đới nóng (loại bỏ).

+ Biểu đồ D: Có mùa đông lạnh dưới -5°C \rightarrow Không phải là đới nóng (loại bỏ).

+ Biểu đồ E: Có mùa hạ nóng trên 25°C , mùa đông mát dưới 15°C , mưa rất ít và mưa vào thu đông \rightarrow Không phải là đới nóng (loại bỏ).

Kết luận: Biểu đồ B là biểu đồ khí hậu nhiệt đới gió mùa thuộc môi trường đới nóng.

TOÁN 7

ĐỊNH LÝ – LUYỆN TẬP

1. Định lý (SGK)

Trong câu :” Nếu A thì B ”

A gọi là *giả thiết* ; B gọi là *kết luận*

VD: a) Hãy chỉ ra giả thiết và kết luận của định lý : “Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau

Giả thiết: Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba

Kết luận: chúng song song với nhau

b) Vẽ hình minh họa định lý trên và viết *giả thiết*, *kết luận* bằng kí hiệu.

| | | |
|-----------|-------|-------------------------------------|
| a | _____ | GT a // b và c // b |
| b | _____ | |
| c | _____ | |
| KL | | a // c |

2. Chứng minh định lý(SGK)

a/ Để chứng minh định lý: có 2 bước

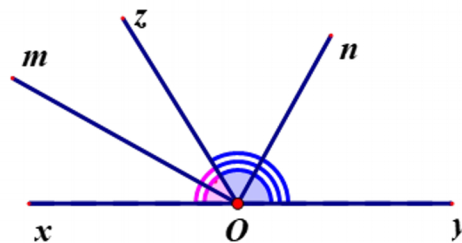
B1: Vẽ hình, ghi giả thiết kết luận

B2: Thực hiện chứng minh định lý

b/ Ví dụ:

Chứng minh định lý : “Góc tạo bởi hai tia phân giác của hai góc kề bù là một góc vuông”.

| | |
|-----------|--|
| GT | \widehat{xOz} và \widehat{zOy} kề bù |
| | Om là tia phân giác của \widehat{xOz} |
| | On là tia phân giác của \widehat{zOy} |
| KL | $\widehat{mOn} = 90^\circ$ |



Chứng minh

$$\widehat{mOz} = \frac{1}{2} \widehat{xOz} \quad (\text{vì Om là tia phân giác của } \widehat{xOz}) \quad (1)$$

$$\widehat{zOn} = \frac{1}{2} \widehat{zOy} \quad (\text{vì On là tia phân giác của } \widehat{zOy}) \quad (2)$$

Từ (1) và (2) ta có:

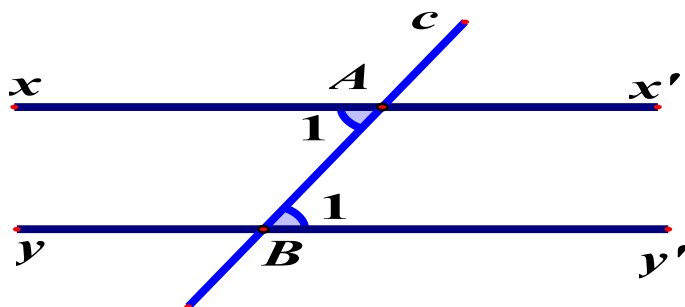
$$\widehat{mOz} + \widehat{zOn} = \frac{1}{2} \cdot (\widehat{xOz} + \widehat{zOy}) \quad (3)$$

Vì \widehat{xOz} và \widehat{zOy} kề bù (giả thiết)

nên từ (3) ta có : $\widehat{mOn} = \frac{1}{2} \times 180^\circ$ hay $\widehat{mOn} = 90^\circ$

BÀI TẬP

Bài 1: Viết giả thiết và kết luận của hình vẽ sau



| | |
|----|--|
| GT | c cắt xx' tại A và cắt yy' tại B, $\sphericalangle A_1 = \sphericalangle B_1$ (2 góc so le trong) |
| KL | $xx' // yy'$ |

Bài 2: Cho hai đường thẳng cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông thì các góc còn lại cũng vuông. Vẽ hình, viết GT – KL bằng ký hiệu và chứng minh định lí.

BÀI GIẢI

| | | |
|----|--|--|
| GT | xx' cắt yy' tại O $\sphericalangle xOy = 90^\circ$ | |
| KL | $\sphericalangle xOy' = \sphericalangle x'Oy' = \sphericalangle x'Oy = 90^\circ$ | |

Ta có:

Chứng minh

$$\widehat{xOy'} + \widehat{xOy} = 180^\circ \quad (\text{Hai góc kề bù})$$

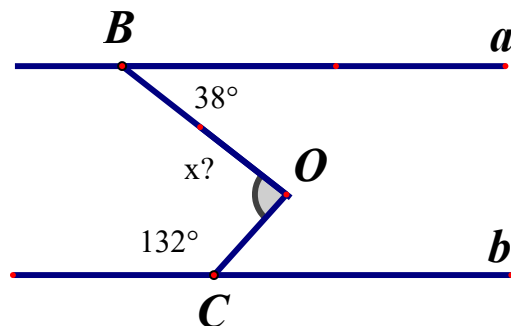
$$\widehat{xOy'} + 90^\circ = 180^\circ \quad (\text{do } \widehat{xOy} = 90^\circ)$$

$$\widehat{xOy'} = 90^\circ$$

$$\widehat{x'Oy'} = \widehat{xOy} = 90^\circ \quad (\text{Hai góc đối đỉnh})$$

$$\widehat{x'Oy} = \widehat{xOy'} = 90^\circ \quad (\text{Hai góc đối đỉnh})$$

Bài 57/104 SGK



Qua O vẽ $xy \parallel a$

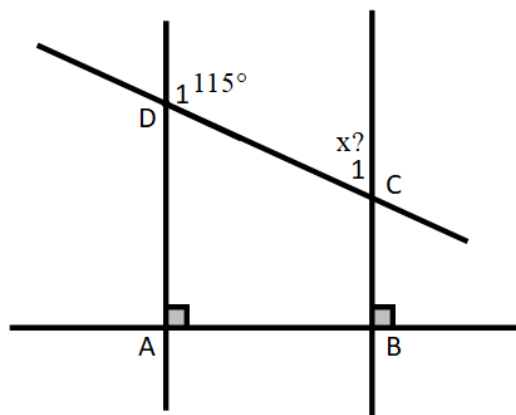
Vì $b \parallel a$ nên suy ra $b \parallel xy$

Vì $a \parallel xy$ nên ta tìm được θ_1

Tương tự vì: $b \parallel xy$ nên ta tìm được θ_2

Từ đó hs tìm được: $\theta = \theta_1 + \theta_2$

Bài 58 SGK/tr104



B1: Chứng minh: $AD \parallel BC$

B2: Tính C_1 có vị trí trong cùng phía với D_1

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

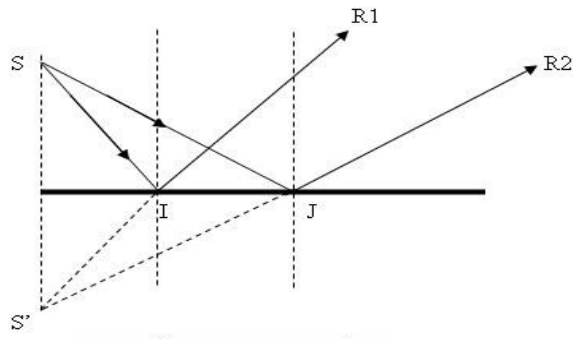
Làm bài tập: bài 4(hs được gv hướng dẫn)

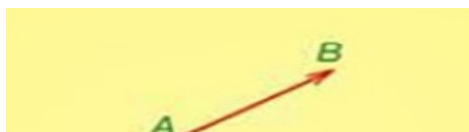
Bài 57SGK/107 và 58 SGK/104

Ôn tập nội dung kiến thức chương I

Trả lời các câu hỏi ôn tập chương I (SGK tr 105 – 106)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC VẬT LÝ 7

| NỘI DUNG | GHI CHÚ |
|--|---|
| <p>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</p> <p>Chủ đề 5: Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng Khối 7</p> | <p>I. ĐẶC ĐIỂM CỦA ẢNH TẠO BỞI GƯƠNG PHẪNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật sáng đặt trước gương phẳng cho ảnh ảo ở sau gương, không hứng được trên màn chắn và lớn bằng vật. - Một điểm trên vật và ảnh của điểm tạo bởi gương phẳng đối xứng với nhau qua gương. <p>II. GIẢI THÍCH SỰ TẠO ẢNH CỦA MỘT VẬT QUA GƯƠNG PHẪNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ta nhìn thấy ảnh ảo S' vì các tia phản xạ lọt vào mắt có đường kéo dài giao nhau tại S'. - Ảnh ảo S' không hứng được trên màn vì S' không phải là nơi giao nhau của các tia phản xạ mà chỉ là nơi giao nhau của đường kéo <div style="text-align: center;">  <p>dài của các tia này</p> </div> |
| <p>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p> | <p>Dựa trên nội dung kiến thức đã học, các em hãy trả lời các câu hỏi sau (hoặc tóm tắt và giải các bài tập sau)</p> <p>Bài 1: Hãy vận dụng đặc điểm của ảnh tạo bởi gương phẳng để vẽ ảnh của một vật sáng có dạng mũi tên đặt trước một gương phẳng như hình 1</p> <p>Bài 2: Cho một điểm sáng S và một vị trí M đặt mắt trước gương</p> |





Hình 1



Hình 2

| | |
|--|---|
| | <p>phẳng như hình 2. Hãy vẽ và nêu cách vẽ một tia sáng từ S đến gương có tia phản xạ đi đến mắt.</p> |
|--|---|

1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

| Môn học | Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh |
|---------|--|----------------------|
| Lý | Chủ đề 5: Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng Khối 7 | 1. 2. |

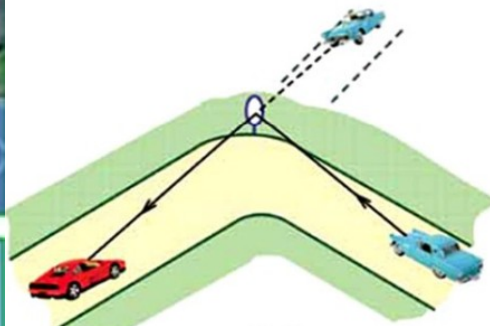
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC VẬT LÝ 7

| NỘI DUNG | GHI CHÚ |
|---|--|
| Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp | |
| Chủ đề 7: Gương cầu lồi Khối 7 | <p>I. ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG CẦU LỒI</p> <p>Ảnh của một vật sáng được tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo ở sau gương và nhỏ hơn vật.</p> <p>II. VÙNG NHÌN THẤY CỦA GƯƠNG</p> <p>Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương.</p> |
| Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. | Dựa trên nội dung kiến thức đã học, các em hãy trả lời các câu hỏi sau (hoặc tóm tắt và giải các bài tập sau) |

Bài 1: Em hãy giải thích vì sao gương nhìn phía sau gắn trên xe máy, ô tô thường không phải là gương phẳng mà lại là gương cầu lồi?



Bài 2: Ở những đoạn đường quanh co gấp khúc bị che khuất tầm nhìn như các đoạn đường đèo, các góc phố, lối ra vào các công ty, xí nghiệp,... người ta thường đặt các gương cầu khá lớn ở bên đường. Các gương này giúp ích gì cho những người đi qua lại các đoạn đường đó?



2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

| Môn học | Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh |
|----------------|---|-----------------------------|
| Lý | Chủ đề 7: Gương cầu lồi Khối 7 | 1. 2. |

HÌNH HỌC LỚP 7

CHỦ ĐỀ: TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG.

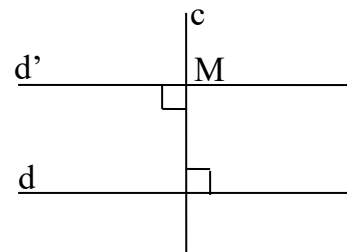
I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1) Quan hệ giữa tính vuông góc với tính song song.

Tính chất 1:

- Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ 3 thì chúng song song với nhau.

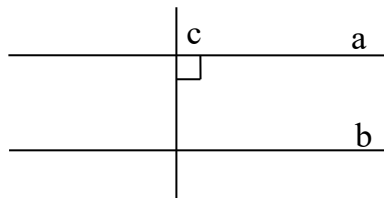
$$\left. \begin{matrix} a \perp c \\ b \perp c \end{matrix} \right\} \Rightarrow a // b$$



2. Tính chất 2:

Nếu một đường thẳng, cùng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì chúng cũng vuông góc với đường thẳng kia.

Nếu $a // b$ thì $c \perp b$



2) Ba đường thẳng song song

Tính chất.

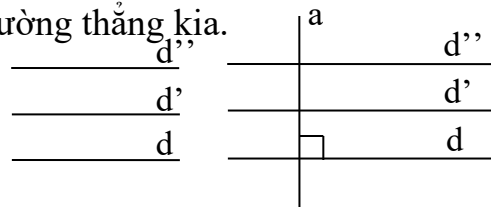
- Khi ba đường thẳng d, d', d'' song song với nhau từng đôi một, ta nói ba đường thẳng ấy song song với nhau.

Kí hiệu: $d // d' // d''$.

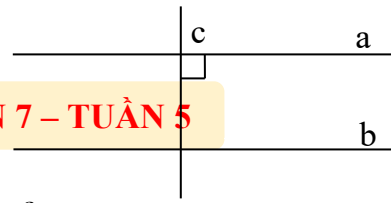
Có $d // d'$ mà $a \perp d \Rightarrow a \perp d'$ theo tính chất: Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì vuông góc với đường thẳng kia.

Tương tự vì $d // d''$ mà $a \perp d \Rightarrow a \perp d''$.

Do đó $d' // d''$ vì cùng vuông góc với a.



NỘI DUNG GHI BÀI MÔN TOÁN 7 – TUẦN 5



- Các phương pháp chứng minh hai đường thẳng song song.

1) Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng nếu các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau (một cặp góc đồng vị bằng nhau) thì chúng song song với nhau.

2) Tính chất.

Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

3) Tính chất.

Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

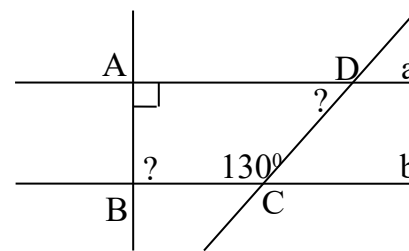
II. BÀI TẬP

Bài 46:

- HS sử dụng tính chất từ vuông góc đến song song để thực hiện.
- Có thể vận dụng 2 góc trong cùng phía để thực hiện bài toán trên.

Bài 47:

- HS sử dụng tính chất hai đường thẳng song song cùng vuông góc đường thẳng thứ 3 để giải quyết bài toán nhanh gọn.
- HS sử dụng kiến thức 2 góc trong cùng phía để giải quyết bài toán.



Về nhà làm bài 44, 48 SGK.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 7

Tuần 5 (từ ngày 04/10 đến ngày 09/10/2021)

Bài 7 NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN

| | |
|--|--|
| Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. | <p><u>A. Đọc sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau: (Gạch vào SGK câu trả lời của mình)</u></p> <p>1. Sự hình thành và phát triển xã hội phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none">- Xã hội phong kiến ở phương Đông và phương Tây được hình thành từ bao giờ?- Tại sao chế độ phong kiến ở Phương Đông xuất hiện sớm, phương Tây lại xuất hiện muộn hơn? <p>2. Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none">- Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến là gì?- Trong xã hội phong kiến có những giai cấp nào?- Quan hệ giữa các giai cấp ấy ra sao?- Hình thức bóc lột cơ bản trong xã hội phong kiến là gì ? <p>3. Nhà nước phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none">- Chế độ phong kiến phương Đông và châu Âu giống nhau ở điểm nào ?- Thể nào là chế độ quân chủ?- Chế độ quân chủ phương Đông và châu Âu có gì giống và khác nhau ? |
| Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. | <p><u>B. Kiến thức trọng tâm (HS ghi vào tập)</u></p> <p>1. Sự hình thành và phát triển xã hội phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none">- Xã hội phong kiến phương Đông hình thành sớm, nhưng lại phát triển chậm chạp, quá trình khủng hoảng suy vong kéo dài .- Xã hội phong kiến Châu Âu được hình thành muộn hơn, kết thúc sớm hơn nhường chỗ cho chủ nghĩa tư bản. <p>2. Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none">*Cơ sở kinh tế : chủ yếu là kinh tế nông nghiệp+ Ở phương Đông sản xuất nông nghiệp đóng kín trong các công xã nông thôn.+ Châu Âu : đóng kín trong các lãnh địa phong kiến*Xã hội phong kiến có 2 giai cấp cơ bản:+ Phương Đông : địa chủ và nông dân lĩnh canh.+ Châu Âu là lãnh chúa và nông nô.*Bóc lột bằng tô thuế: Tuy nhiên ở Châu Âu sau khi thành thị trung đại, xuất hiện kinh tế công thương nghiệp phát triển và thị dân ra đời . <p>3. Nhà nước phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none">- Chế độ quân chủ nhưng khác nhau về mức độ và thời gian- Thể chế nhà nước do vua đứng đầu .- Ở phương Đông vua chuyên chế tăng thêm quyền lực - tập quyền ngay từ đầu .- Phương Tây từ phân quyền đến tập quyền. |

BÀI 8: NƯỚC TA BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.

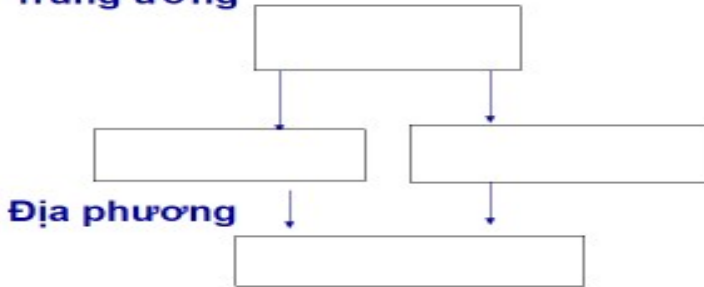
A. Đọc sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau:

1. Nước ta dưới thời Ngô

- Nêu những việc làm của Ngô Quyền sau chiến thắng Bạch Đằng?
- Sau khi lên ngôi vua, Ngô Quyền đã làm gì để thể hiện ý thức độc lập, tự chủ?

ĐIỀN VÀO SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THỜI NGÔ

Trung ương



Đứng đầu triều đình là ai?

Giúp việc cho vua là các chức quan nào?

Các chức quan trông coi các châu tên là gì?

EM CÓ NHẬN XÉT GÌ VỀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THỜI NGÔ?

2. Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước

- Em hãy cho đôi nét về Đinh Bộ Lĩnh?
- Để dẹp loạn 12 sứ quân Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì?
- Việc Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn được 12 sứ quân có ý nghĩa gì?

B. Kiến thức trọng tâm (HS ghi vào tập)

1. Nước ta dưới thời Ngô

- Năm 939, Ngô Quyền lên ngôi vua, chọn Cổ Loa làm kinh đô.
- Xây dựng chính quyền :

+ Trung ương: Vua đứng đầu quyết định mọi việc, đặt các chức quan văn, võ, quy định lễ nghi, sắc phục của quan lại các cấp.

+ Ở địa phương: cử các tướng có công coi giữ các châu quan trọng.

- Đất nước bình yên
- Năm 944 Ngô Quyền mất → Dương Tam Kha cướp ngôi → Đất nước không ổn định.
- Năm 950 Ngô Xương Văn lật đổ Dương Tam Kha
- Năm 965 Ngô Xương Văn chết → Loạn 12 sứ quân

2. Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước.

- Đinh Bộ Lĩnh lập căn cứ ở Hoa Lư (Ninh Bình)

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- Ông liên kết, chiêu dụ và đánh dẹp các sứ quân khác.
- Năm 967 đất nước được thống nhất, yên bình

C. Bài tập

Câu 1: Công lao to lớn của Ngô Quyền là :

- A. Đặt nền móng xây dựng chính quyền độc lập
- B. Lập triều đại nhà Ngô.
- C. chấm dứt loạn 12 sứ quân.
- D. Đánh tan quân xâm lược Nam Hán

Câu 2 Bộ máy nhà nước thời Ngô, ở các địa phương do ai đứng đầu?

- A. Vua.
- B. Các quan văn.
- C. Các quan võ.
- D. Các quan thứ sử.

Câu 3: Nêu công lao to lớn của Đinh Bộ Lĩnh?

.....

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Từ ngày 11/10/2021 đến ngày 16/10/2022)**

| NỘI DUNG | GHI CHÚ |
|--|---|
| BÀI 9 : NƯỚC ĐẠI CỔ VIỆT THỜI ĐÌNH-TIỀN LÊ | |
| <u>I TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ</u> | |
| Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. | <p><u>A. Đọc sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau:</u></p> <p><u>1/ Nhà Đinh xây dựng đất nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì? - Tại sao Đinh Tiên Hoàng xây dựng kinh đô ở Hoa Lu? - Việc nhà Đinh không dùng niên hiệu của hoàng đế Trung Quốc nói lên điều gì? - Đinh Tiên Hoàng đã thi những biện pháp gì để xây dựng đất nước? - Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa gì? <p><u>2/ Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà Tiền Lê được thành lập trong hoàn cảnh nào? - Vì sao các tướng lĩnh suy tôn Lê Hoàn lên làm vua? - Nhà Tiền Lê tổ chức bộ máy nhà nước như thế nào? - Quân đội thời Tiền Lê được tổ chức như thế nào? <p><u>3/ Cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quân Tống xâm lược nước ta trong hoàn cảnh nào? - Kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống. |

Hoạt động
2: Kiểm
tra, đánh
giá quá
trình tự
học.

B. Kiến thức trọng tâm

1. Nhà Đinh xây dựng đất nước

- Năm 968 Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng)
- Đặt tên nước là Đại Cồ Việt và đóng đô ở Hoa Lư.
- Năm 970, vua Đinh đặt niên hiệu Thái Bình.
- Phong vương cho các con.
- Dựng cung điện, đúc tiền, xử phạt nghiêm kẻ phạm tội.

→ **Ổn định đời sống xã hội**

2. Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê

***Trung ương:**

- Đứng đầu nhà nước là vua
- Giúp vua có Thái sư, Đại sư, quan văn, quan võ

***Địa phương:**

- Cả nước chia làm 10 lộ
- Dưới lộ có phủ và châu

***Trung ương:**

VUA

THÁI SƯ – ĐAI SƯ

Quan văn

Quan võ

10 LỘ

*Địa phương:

Phủ và Châu

*** Quân đội:** 2 bộ phận

- Quân triều đình.
- Quân địa phương.

3. Cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn

a) Hoàn cảnh:

- Nhà Đinh rối loạn → Nhà Tống đem quân xâm lược.

b) Diễn biến.

- Năm 981 quân Tống do Hầu Nhân Bảo xâm lược nước ta bằng 2 đường thủy và bộ.

- Lê Hoàn trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến

c) Kết quả:

| | |
|--|--|
| | <p>- Tướng giặc Hầu Nhân Bảo bị giết. - Cuộc kháng chiến thắng lợi</p> <p><i>d) Ý nghĩa:</i></p> <p>- Khẳng định quyền làm chủ đất nước. - Đánh bại âm mưu xâm lược quân Tống.</p> <p>C. Bài tập</p> <p>Câu 1. Đinh Tiên Hoàng lên ngôi vua đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu?</p> <p>A.Đại Việt. Ở Hoa Lư B.Đại Cồ Việt. Ở Hoa Lư C.Đại Cồ Việt.Ở Cổ Loa D.Đại Việt.Ở Đại La</p> <p>Câu 2. Khi Lê Hoàn lên ngôi vua, nước ta phải đối phó với bọn xâm lược nào?</p> <p>A.Nhà Minh ở Trung Quốc C. Nhà Hán ở Trung Quốc B. Nhà Đường ở Trung Quốc D. Nhà Tống ở Trung Quốc</p> <p>Câu 3. Lê Hoàn lên ngôi vua vào năm nào? Đặt niên hiệu là gì?</p> <p>A.Năm 980. Niên hiệu Thái Bình B. Năm 979. Niên hiệu Thiên Phúc C. Năm 980. Niên hiệu Thiên Phúc. D. Năm 981. Niên hiệu Ứng Thiên</p> |
| Bài : 9(tt) | II. SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA |
| Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. | <p>A. Đọc sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ</p> <p>- Em có suy nghĩ gì về tình hình nông nghiệp thời Đinh – Tiền Lê? - Giải thích lễ cày tịch điền? - Vua Lê Đại Hành tổ chức lễ cày tịch điền để làm gì? - Sự phát triển của thủ công nghiệp thể hiện ở những mặt nào?</p> |
| Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. | <p>B. Kiến thức trọng tâm</p> <p>1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ</p> <p>a. Nông nghiệp:</p> <p>- Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của nhà nước chia cho nông dân sản xuất. - Tổ chức Lễ cày tịch điền - Khai khẩn đất hoang. - Chú trọng thủy lợi. → Ổn định phát triển.</p> <p>b. Thủ công nghiệp:</p> <p>- Thế kỉ XI, xây dựng một số xưởng thủ công nhà nước (đúc tiền, rèn vũ khí...) tập trung nhiều thợ khéo. -Trong dân gian các nghề cổ truyền tiếp tục phát triển(dệt lụa, kéo tơ...)</p> <p>C. Bài tập</p> <p>Câu 1: Dưới thời Đinh – Tiền Lê, ruộng đất trong làng xã thuộc quyền sở hữu của ai?</p> <p>A. Của Vua B. Của quý tộc</p> |

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
MÔN SINH HỌC 7
(Tuần 5 từ 04/10 đến 9/10)

| TÊN CHỦ ĐỀ | HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN |
|------------|------------------------------|
|------------|------------------------------|

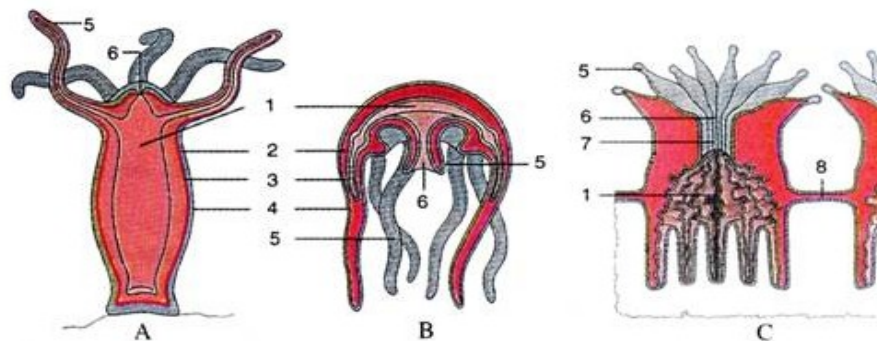
CHỦ ĐỀ:
NGÀNH
RUỘT
KHOANG

Nội dung 2:
ĐẶC ĐIỂM
CHUNG
VÀ VAI
TRÒ CỦA
NGÀNH
RUỘT
KHOANG

A/ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm chung của ngành ruột khoang

Yêu cầu HS nhớ lại kiến thức cũ quan sát H10.1 SGK tr37. Hoàn thành bảng “Đặc điểm chung của một số đại diện Ruột khoang”.



Hình 10.1. Sơ đồ cấu tạo cơ thể đại diện Ruột khoang : A - Thủy tức ; B - Sứa ; C - San hô
 1. Khoang ruột ; 2. Tầng keo ; 3. Lớp trong ; 4. Lớp ngoài ;
 5. Tua miệng ; 6. Miệng ; 7. Hấu ; 8. Cấu nôi 2 cá thể.

| TT | Đặc điểm Đại diện | Thủy tức | Sứa | San hô |
|----|----------------------------|----------|-----|--------|
| 1 | Kiểu đối xứng. | | | |
| 2 | Cách di chuyển. | | | |
| 3 | Cách dinh dưỡng. | | | |
| 4 | Sống đơn độc hay tập đoàn. | | | |

Từ kết quả bảng trên HS rút ra các đặc điểm chung của ngành Ruột khoang?

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của ngành ruột khoang

Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:

II - VAI TRÒ

■ Với khoảng 10 nghìn loài, hầu hết ruột khoang sống ở biển. San hô có số loài nhiều và số lượng cá thể lớn hơn cả (khoảng 6 nghìn loài). Chúng thường tạo thành các đảo và bờ san hô phân bố ở độ sâu không quá 50m, nơi có ánh sáng mặt trời chiếu tới, tạo nên một vùng biển có màu sắc phong phú và rất giàu các loài động vật khác cùng chung sống. Vùng biển san hô vừa là nơi có vẻ đẹp kì thú của biển nhiệt đới, vừa là nơi có cảnh quan độc đáo của đại dương. San hô đỏ, san hô đen, san hô sừng hươu... là nguyên liệu quý để trang trí và làm đồ trang sức. San hô đá là một trong các nguồn cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng. Hoá thạch san hô là vật chỉ thị quan trọng của các địa tầng trong nghiên cứu địa chất.

Sứa sen, sứa rô... là những loài sứa lớn thường được khai thác làm thức ăn. Người Nhật Bản gọi sứa là “thịt thủy tinh”.

Mặc dù một số loài sứa gây ngứa và độc cho người, đảo ngầm san hô gây cản trở cho giao thông đường biển, nhưng chúng có ý nghĩa về sinh thái đối với biển và đại dương, là tài nguyên thiên nhiên quý giá.

- + Ruột khoang có vai trò như thế nào trong đời sống tự nhiên và trong đời sống con người?
- + Nêu rõ tác hại của ruột khoang? Cho ví dụ.?
- + San hô có lợi hay có hại? Biển nước ta có giàu san hô không?

Hoạt động 3: Luyện tập

Hoàn thành các câu trắc nghiệm sau:

Câu 1. Ruột khoang có vai trò gì trong tự nhiên và đời sống con người?

- A. Một số loài ruột khoang có giá trị thực phẩm và dược phẩm.
- B. Góp phần tạo sự cân bằng sinh thái, tạo cảnh quan độc đáo.
- C. Nhiều loại san hô nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí, nguyên liệu xây dựng, ...
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 2. Các đại diện của ngành Ruột khoang không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sống trong môi trường nước, đối xứng toả tròn.
- B. Có khả năng kết bào xác.
- C. Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp, ruột dạng túi.
- D. Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

Câu 3. Đảo ngầm san hô thường gây tổn hại gì cho con người?

- A. Cản trở giao thông đường thủy.
- B. Gây ngứa và độc cho người.
- C. Tranh thức ăn với các loại hải sản con người nuôi.
- D. Tiết chất độc làm hại cá và hải sản nuôi.

Câu 4. Phương thức dinh dưỡng thường gặp ở ruột khoang là

- A. quang tự dưỡng. B. hoá tự dưỡng.
- C. dị dưỡng. D. dị dưỡng và tự dưỡng kết hợp.

B. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐÃ TÌM HIỂU

(Em hãy ghi nội dung này vào vở!)

Nội dung 2: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Đặc điểm chung của ngành ruột khoang:
 - + Cơ thể có đối xứng toả tròn.
 - + Ruột dạng túi.
 - + Thành cơ thể có 2 lớp tế bào.
 - + Tự vệ và tấn công bằng tế bào gai.

II. VAI TRÒ

- Trong tự nhiên:
 - + Làm thức ăn cho động vật khác:...
 - + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên:...
 - + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển:...
- Đối với đời sống:
 - + Làm đồ trang trí, trang sức: San hô,...
 - + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng: San hô,....
 - + Làm thực phẩm có giá trị: Sứa,...
 - + Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất:....
- Tác hại:
 - + Một số loại gây độc, ngứa cho người: Sứa.
 - + Tạo đá ngầm làm ảnh hưởng đến giao thông.

**CHỦ ĐỀ:
CÁC
NGÀNH
GIUN**

A/ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu về sán lông và sán lá gan

Yêu cầu HS quan sát hình và đọc thông tin trong SGK tr.40, 41 để hoàn thành phiếu học tập sau.

**Nội dung 1:
NGÀNH
GIUN DẸP**

Phiếu học tập.

| | Cấu tạo | | Di chuyển | Sinh sản | |
|------------|---------|------------------|-----------|----------|--|
| | Mắt | Cơ quan tiêu hoá | | | |
| Sán lông | | | | | |
| Sán lá gan | | | | | |



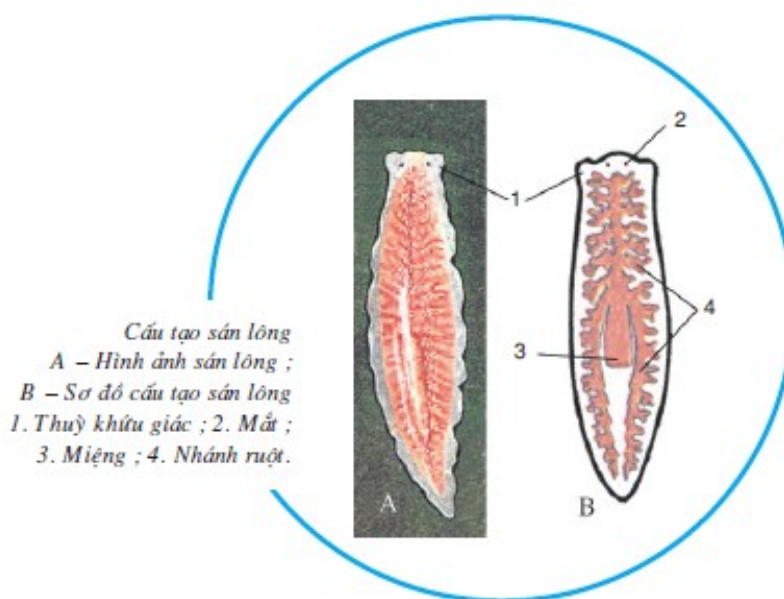
NGÀNH GIUN DẸP

■ *Khác với Ruột khoang, Giun dẹp có đối xứng hai bên và cơ thể dẹp theo chiều lưng bụng. Chúng gồm : sán lông (sống tự do), sán lá và sán dây (sống kí sinh).*

Sán lông sống tự do thường gặp ở vùng nước ven biển. Chúng thích ẩn náu ở các khe đá để tìm thức ăn. Ở các ao, hồ ít gặp hơn.

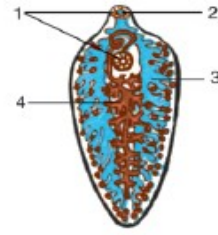
Cơ thể sán lông hình lá, hơi dài, dẹp theo hướng lưng bụng. Nhờ các lông bơi (do đó có tên là sán lông) sán lông bơi nhẹ nhàng trong nước hay trượt trên giá thể.

Sán lông có đầu bằng, 2 bên đầu là thùy khứu giác, ở giữa là 2 mắt đen. Đuôi sán lông hơi nhọn. Chúng có miệng nằm ở mặt bụng. Tiếp theo miệng là các nhánh ruột, chưa có hậu môn. Sán lông thích nghi với lối sống bơi lội tự do.



*Cấu tạo sán lông
A – Hình ảnh sán lông ;
B – Sơ đồ cấu tạo sán lông
1. Thùy khứu giác ; 2. Mắt ;
3. Miệng ; 4. Nhánh ruột.*

■ Sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh nên một số bộ phận cơ thể bị tiêu giảm.



I- NƠI SỐNG, CẤU TẠO VÀ DI CHUYỂN

■ Sán lá gan là những giun dẹp kí sinh ở gan và mật trâu, bò, làm chúng gầy rạc và chậm lớn.

Cơ thể sán lá gan hình lá, dẹp, dài 2 – 5cm, màu đỏ máu (hình 11.1).

Hình 11.1. Cấu tạo sán lá gan
1. Giác bám ; 2. Miệng ; 3. Nhánh ruột ; 4. Cơ quan sinh dục lưỡng tính (phân nhánh).

Mắt, lông bơi tiêu giảm. Ngược lại, các giác bám phát triển.

Nhờ cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng phát triển, nên sán lá gan có thể chun dãn, phẳng dẹp cơ thể để chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh.

II - DINH DƯỠNG

■ Sán lá gan dùng 2 giác bám chắc vào nội tạng vật chủ. Hầu có cơ khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh đưa vào 2 nhánh ruột phân nhiều nhánh nhỏ để vừa tiêu hoá vừa dẫn chất dinh dưỡng nuôi cơ thể. Sán lá gan chưa có hậu môn.

III - SINH SẢN

1. Cơ quan sinh dục

■ Sán lá gan lưỡng tính. Cơ quan sinh dục gồm : cơ quan sinh dục đực và cơ quan sinh dục cái với tuyến noãn hoàng. Phần lớn chúng có cấu tạo dạng ống phân nhánh và phát triển chằng chịt.

Qua phiếu học tập HS đưa ra kết luận thông qua câu hỏi sau:

- Sán lông thích nghi với đời sống bơi lội trong nước như thế nào?
- Sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh trong gan mật trâu bò như thế nào?

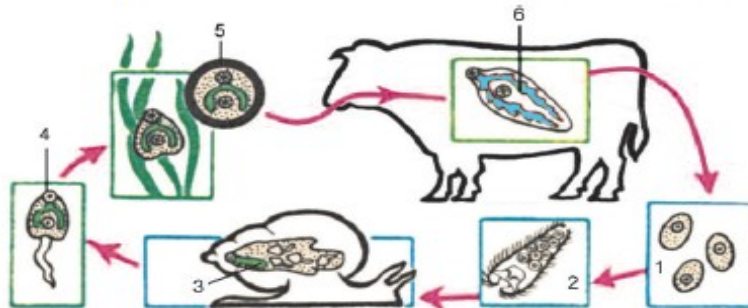
Hoạt động 2: Tìm hiểu vòng đời của sán lá gan

■ Sán lá gan đẻ nhiều trứng (khoảng 4 000 trứng mỗi ngày).

Trứng gặp nước nở thành ấu trùng có lông bơi.

Ấu trùng chui vào sống kí sinh trong ốc ruộng, sinh sản cho nhiều ấu trùng có đuôi. Ấu trùng có đuôi rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo và cây thủy sinh, rụng đuôi, kết vỏ cứng, trở thành kén sán.

Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán, sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan (hình 11.2).



Hình 11.2. Vòng đời sán lá gan

1. Trứng sán lá gan ; 2. Ấu trùng lông ; 3. Ấu trùng trong ốc ; 4. Ấu trùng có đuôi ; 5. Kén sán ; 6. Sán trưởng thành ở gan bò.

Yêu cầu HS nghiên cứu SGK, quan sát H11.2 tr.42, hoàn thành bài tập: Vòng đời của sán lá gan ảnh hưởng như thế nào nếu trong thiên nhiên xảy ra tình huống sau:

+ Trứng sán lá gan không gặp nước.

- + Ấu trùng nở ra không gặp cơ thể ốc thích hợp.
 - + Ốc chưa vật kí sinh bị động vật khác ăn thịt mất.
 - + Kén sán bám vào rau, bèo...chờ mãi mà không gặp trâu bò ăn phải.
- Trả lời các câu hỏi sau:
- + Viết sơ đồ biểu diễn vòng đời của sán lá gan?
 - + Sán lá gan thích nghi với sự phát tán nòi giống như thế nào?
 - + Muốn tiêu diệt sán lá gan ta phải làm thế nào?
 - + Vì sao trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều?

Hoạt động 3: Luyện tập

Hoàn thành các câu trắc nghiệm sau:

Câu 1. Sán lá gan có bao nhiêu giác bám để bám để bám chắc vào nội tạng vật chủ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2. Sán lông và sán lá gan giống nhau ở điểm nào sau đây?

- A. Phương thức di chuyển. B. Lối sống.
C. Hình dạng cơ thể. D. Mức độ phát triển thị giác.

Câu 3. Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lông?

- A. Có lông bơi. B. Có giác bám.
C. Mắt tiêu giảm. D. Sống kí sinh.

Câu 4. Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

- A. Miệng nằm ở mặt bụng.
B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.
C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.
D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

B. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐÃ TÌM HIỂU

(Em hãy ghi nội dung này vào vở!)

CHỦ ĐỀ: CÁC NGÀNH GIUN

Nội dung 1: NGÀNH GIUN ĐẸP

I. Sán lông và sán lá gan

| | Cấu tạo | | Di chuyển | Sinh sản | Thích nghi. |
|-------------------|-------------|---|--|--|---|
| | Mắt | Cơ quan tiêu hoá | | | |
| Sán lông | 2 mắt ở đầu | - Nhánh ruột. - Chưa có hậu môn. | - Nhờ lông bơi | - Lưỡng tính. - Đẻ kén có chứa trứng. | - Lối sống bơi lội tự do trong nước. |
| Sán lá gan | Tiêu giảm | - Nhánh ruột phát triển. - Chưa có lỗ hậu môn. | - Lông bơi tiêu giảm. Giác bám phát triển. - Thành cơ thể có khả năng chun giãn. | - Lưỡng tính. - Cơ quan sinh dục phát triển. - Đẻ nhiều trứng. | - Kí sinh. - Bám chặt vào gan, mật. - Luồn lách trong môi trường kí sinh. |

II. Vòng đời của sán lá gan

- Trâu bò → trứng → ấu trùng lông → ấu trùng trong ốc → ấu trùng có đuôi → môi trường nước → kết kén → bám vào cây rau bèo → trâu bò

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT!

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
MÔN SINH HỌC 7
(Tuần 6 từ 11/10 đến 16/10)

HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN

CHỦ ĐỀ:
CÁC
NGÀNH
GIUN

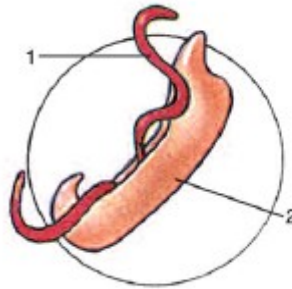
Nội dung 1:
NGÀNH
GIUN ĐẸP

A/ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số giun dẹp khác

I- MỘT SỐ GIUN ĐẸP KHÁC

■ Ngoài sán lông, sán lá gan, còn gặp khoảng 4 nghìn loài giun dẹp khác, chủ yếu kí sinh. Hình 12.1, 2, 3 là một số loài đại diện.



Hình 12.1. Sán lá máu

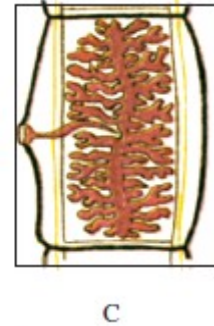
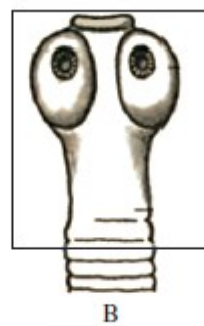
Cơ thể phân tính (1. Con cái ; 2. Con đực). Chúng luôn cặp đôi, kí sinh trong máu người, ấu trùng chui qua da người khi tiếp xúc nơi nước ô nhiễm.



Hình 12.2. Sán bã trầu

Kí sinh ở ruột lợn khi lợn ăn phải kén sán lẫn trong rau, bèo. Vật chủ trung gian là ốc gạo, ốc mít.

Cơ quan tiêu hoá và sinh dục phát triển như sán lá gan.



Hình 12.3. Sán dây (dài 8 – 9m)

Sán dây kí sinh ở ruột non người và cơ bắp trâu bò. Đầu sán nhỏ có giác bám (B). Thân sán gồm hàng trăm đốt sán (A). Ruột tiêu giảm, bề mặt cơ thể hấp thụ chất dinh dưỡng. Mỗi đốt sán đều mang 1 cơ quan sinh dục lưỡng tính. Các đốt cuối cùng chứa đầy trứng (C). Trâu, bò, lợn ăn phải, ấu trùng phát triển thành nang sán (gạo). Người ăn phải thịt trâu, bò, lợn gạo, sẽ mắc bệnh sán dây.

GV yêu cầu HS đọc SGK và quan sát H12.1- 3 SGK trả lời câu hỏi:

+ Kể tên 1 số giun dẹp kí sinh?

+ Giun dẹp thường kí sinh ở bộ phận nào trong cơ thể người và động vật? Vì sao?

+ Để đề phòng giun dẹp sống kí sinh cần phải ăn uống giữ vệ sinh như thế nào cho người và gia súc?

+ Sán kí sinh gây tác hại như thế nào?

+ Em sẽ làm gì để giúp mọi người tránh nhiễm giun sán?

Qua các câu trả lời, HS tự rút ra kết luận.

Hoạt động 2: Luyện tập

Hoàn thành các câu trắc nghiệm sau

Câu 1. Loài sán nào dưới đây trên thân gồm hàng trăm đốt sán, mỗi đốt đều mang một cơ quan sinh dục lưỡng tính?

| | |
|--|---|
| | <p>A. Sán lá gan. B. Sán lá máu. C. Sán bã trầu. D. Sán dây.</p> <p>Câu 2. Phát biểu nào sau đây về sán dây là đúng? A. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên. B. Là động vật đơn tính. C. Cơ quan sinh dục kém phát triển. D. Phát triển không qua biến thái.</p> <p>Câu 3. Trong các nhóm sinh vật sau, nhóm nào đều gồm các sinh vật có đời sống kí sinh? A. sán lá gan, sán dây và sán lông. B. sán dây và sán lá gan. C. sán lông và sán lá gan. D. sán dây và sán lông.</p> <p>Câu 4. Đặc điểm chung nổi bật nhất ở các đại diện ngành Giun dẹp là gì? A. Ruột phân nhánh. B. Cơ thể dẹp. C. Có giác bám. D. Mắt và lông bơi tiêu giảm.</p> <p>Câu 5. Trong các biện pháp sau, có bao nhiêu biện pháp được sử dụng để phòng ngừa giun sán cho người ? 1. Ăn thức ăn nấu chín, uống nước đun sôi để nguội. 2. Sử dụng nước sạch để tắm rửa. 3. Mặc màn khi đi ngủ. 4. Không ăn thịt lợn gạo. 5. Rửa sạch rau trước khi chế biến. Số ý đúng là: A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.</p> <p>B. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐÃ TÌM HIỂU <i>(Em hãy ghi nội dung này vào vở!)</i> CHỦ ĐỀ: CÁC NGÀNH GIUN Nội dung 1: NGÀNH GIUN DẸP</p> <p>III. MỘT SỐ GIUN DẸP KHÁC - Một số kí sinh: + Sán lá máu trong máu người. + Sán bã trầu ở ruột lợn + Sán dây ở ruột người và cơ bắp trâu, bò, lợn - Biện pháp phòng bệnh: ăn chín uống sôi, vệ sinh cá nhân – môi trường,...</p> |
| <p>CHỦ ĐỀ: CÁC NGÀNH GIUN</p> <p>Nội dung 2: NGÀNH GIUN TRÒN</p> <p>A. Giun đũa</p> | <p>A/ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo, dinh dưỡng, di chuyển của giun đũa</p> |

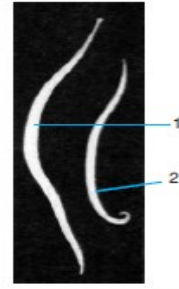
Bài 13

GIUN ĐŨA

■ Giun đũa thường kí sinh ở ruột non người, nhất là ở trẻ em, gây đau bụng, đôi khi gây tắc ruột và tắc ống mật.

I- CẤU TẠO NGOÀI

■ Cơ thể giun đũa dài bằng chiếc đũa (khoảng 25cm). Lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể luôn căng tròn, có tác dụng như bộ áo giáp, giúp giun đũa không bị tiêu huỷ bởi các dịch tiêu hoá trong ruột non người (hình 13.1).

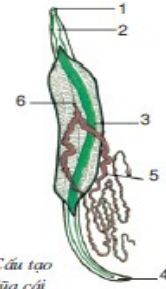


Hình 13.1. Hình dạng giun đũa
1. Giun cái to, dài ; 2. Giun đực, nhỏ, ngắn, đuôi cong.

II- CẤU TẠO TRONG VÀ DI CHUYỂN

■ Cơ thể giun đũa hình ống. Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển. Bên trong là khoang cơ thể chưa chính thức. Trong khoang có : ống tiêu hoá bắt đầu từ lỗ miệng ở phía trước cơ thể giữa ba môi bé, kết thúc ở lỗ hậu môn ; các tuyến sinh dục dài và cuộn khúc như bụi chỉ trắng ở xung quanh ruột (hình 13.2).

Cơ thể chỉ có cơ dọc phát triển nên giun đũa di chuyển hạn chế, chúng chỉ cong cơ thể lại và duỗi ra. Cấu tạo này thích hợp với động tác chui rúc trong môi trường kí sinh.



Hình 13.2. Cấu tạo trong giun đũa cái
1. Miệng ; 2. Hậu ; 3. Ruột.
4. Hậu môn ; 5. Tuyến sinh dục ; 6. Lỗ sinh dục cái.

Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và quan sát H13.1-2 trả lời các câu hỏi sau:

- Giun đũa thường kí sinh ở đâu?
- Trình bày cấu tạo của giun đũa.
- Hình thức di chuyển của giun đũa là gì?
- Giun cái dài và mập hơn giun đực có ý nghĩa sinh học gì?
- Nếu giun đũa thiếu vỏ cuticun thì chúng sẽ như thế nào?
- Ruột thẳng và kết thúc tại hậu môn ở giun đũa so với ruột phân nhánh ở giun dẹp thì tốc độ tiêu hoá ở loài nào cao hơn? Tại sao?
- Nhờ đặc điểm nào giun đũa chui được vào ống mật và hậu quả sẽ như thế nào đối với con người?

Qua nội dung các câu trên, HS tự rút ra kết luận.

Hoạt động 2: Tìm hiểu sinh sản của giun đũa

IV - SINH SẢN

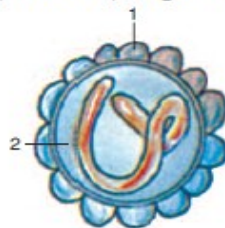
1. Cơ quan sinh dục

■ Giun đũa phân tính. Tuyến sinh dục đực và cái đều ở dạng ống : cái 2 ống, đực 1 ống và dài hơn chiều dài cơ thể.

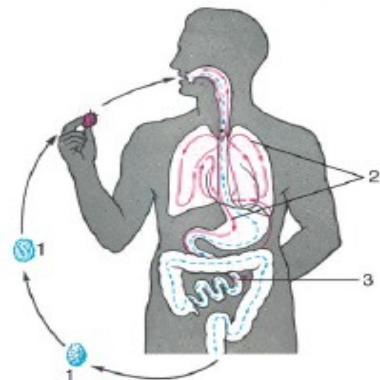
Giun đũa thụ tinh trong. Con cái đẻ số lượng trứng rất lớn, lẫn vào phân người (khoảng 200 000 trứng một ngày).

2. Vòng đời giun đũa

■ Trứng giun theo phân ra ngoài, gặp ẩm và thoáng khí, phát triển thành dạng ấu trùng trong trứng (hình 13.3). Người ăn phải trứng giun (qua rau sống, quả tươi...), đến ruột non, ấu trùng chui ra, vào máu, đi qua gan, tim, phổi, rồi về lại ruột non lần thứ hai mới chính thức kí sinh ở đây (hình 13.4).



Hình 13.3. Trứng giun
1. Vỏ trứng dày ;
2. Tế bào trứng mang ấu trùng.



Hình 13.4. Vòng đời giun đũa ở cơ thể người.
1. Trứng giun ; 2. Đường di chuyển ấu trùng giun ; 3. Nơi kí sinh của giun trưởng thành.

Yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr.48 kết hợp hình 13.4 và trả lời câu

hỏi.

- Nêu cấu tạo cơ quan sinh dục ở giun đũa?
- Giun đũa gây ra tác hại gì đối với vật chủ?
- Viết sơ đồ biểu diễn vòng đời của giun đũa.

HS tự rút ra kết luận

Hoạt động 3: Luyện tập

Hoàn thành các câu trắc nghiệm sau

Câu 1. Ý nghĩa sinh học của việc giun đũa cái dài và mập hơn giun đũa đực là

- A. giúp con cái bảo vệ trứng trong điều kiện sống kí sinh.
- B. giúp tạo và chứa đựng lượng trứng lớn.
- C. giúp tăng khả năng ghép đôi vào mùa sinh sản.
- D. giúp tận dụng được nguồn dinh dưỡng ở vật chủ.

Câu 2. Giun đũa gây ảnh hưởng như thế nào với sức khoẻ con người?

- A. Hút chất dinh dưỡng ở ruột non, giảm hiệu quả tiêu hoá, là cơ thể suy nhược.
- B. Số lượng lớn sẽ làm tắc ruột, tắc ống dẫn mật, gây nguy hiểm đến tính mạng con người.
- C. Sinh ra độc tố gây hại cho cơ thể người.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 3. Trứng giun đũa xâm nhập vào cơ thể người chủ yếu thông qua đường nào?

- A. Đường tiêu hoá.
- B. Đường hô hấp.
- C. Đường bài tiết nước tiểu.
- D. Đường sinh dục.

Câu 4. Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

- A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.
- B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.
- C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

B. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐÃ TÌM HIỂU

(Em hãy ghi nội dung này vào vở!)

CHỦ ĐỀ: CÁC NGÀNH GIUN

Nội dung 2: NGÀNH GIUN TRÒN

A. Giun đũa

1. Cấu tạo, dinh dưỡng và di chuyển

- Cấu tạo:
 - + Hình trụ dài 25cm.
 - + Cơ thể bao bọc lớp cuticun, làm căng cơ thể.
 - + Thành cơ thể: có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển.
 - + Chưa có khoang cơ thể chính thức
 - + Ống tiêu hóa thẳng: chưa có hậu môn.
 - + Tuyến sinh dục dài cuộn khúc
- Dinh dưỡng: Hút chất dinh dưỡng nhanh và nhiều.
- Di chuyển hạn chế: cơ thể cong lại và duỗi ra → chui rúc.

2. Sinh sản

- Cơ quan sinh dục:
 - + Cơ quan sinh dục dạng ống dài.
 - + Con cái 2 ống, con đực 1 ống. Thụ tinh trong.
 - + Đẻ nhiều trứng

| | |
|--|------------------------|
| | - Vòng đời phát triển: |
|--|------------------------|

| | |
|--|---|
| | Giun đũa → Đẻ trứng → ấu trùng trong trứng → thức ăn sống → ruột non (ấu trùng) → máu, gan, tim, phổi → giun đũa (ruột người) |
|--|---|

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT!



PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 6

(Chân Trời Sáng Tạo)

CHỦ ĐỀ: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC










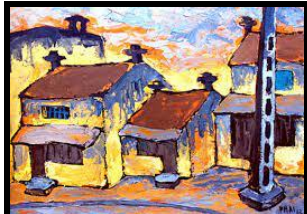
BÀI 3: TRANH IN HOA LÁ (Tiết 1)

| Hoạt động của HS | Đồ dùng/ Phương tiện/ sản phẩm của HS |
|---|--|
| <p>Hoạt động 1 : khám phá</p> <p>Khám phá Tranh hoa, lá.</p> <p>Giới thiệu một số mẫu in hoa, lá thật có các hình dạng khác nhau và có gân nổi.</p> <p>+ Nét, hình, màu trong bức tranh được thể hiện như thế nào?</p> <p>+ Bức tranh được tạo ra bằng cách nào?</p> | <p>- HS quan sát.</p>  |
| <p>Hoạt động 2: Kiến tạo kiến thức – kỹ năng</p> <p>Cách tạo bức tranh bằng hình thức in.</p> <p>HS quan sát hình ở trang 14 SGK Mĩ thuật 6, để nhận biết cách tạo bức tranh bằng hình thức in.</p> <p>Quan sát hình và chỉ ra cách tạo bức tranh bằng hình thức in.</p> <ol style="list-style-type: none">1. Lựa chọn hoặc tạo những vật liệu có bề mặt nổi làm khuôn in.2. Bôi màu vào khuôn và in hình lên giấy để tạo bức tranh.3. In thêm hình, màu tạo sự hài hòa và nhịp điệu cho bức tranh.4. Hoàn thiện bức tranh. <p>Hình in có thể tạo được những bức tranh ấn tượng và sinh động.</p> | <p>- HS thực hiện sản phẩm.</p>  |

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC




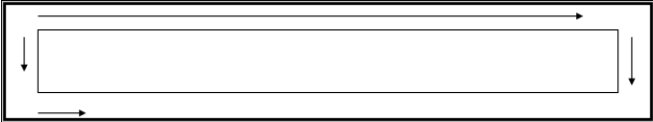
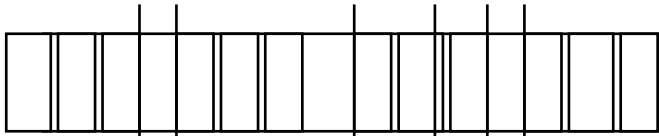
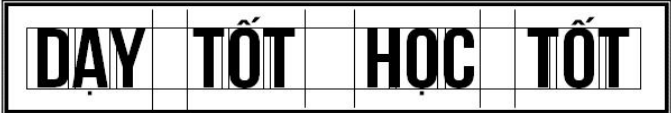

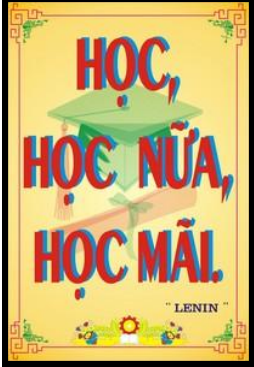
MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 7

BÀI 5: VẼ TRANH: TRANH PHONG CẢNH (TIẾT 1)

| Hoạt động của HS | Đồ dùng/ Phương tiện/ sản phẩm của HS |
|--|--|
| <p>I. TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI</p> <ul style="list-style-type: none">- Phố cổ Hà Nội- Đà Nẵng- Sài Gòn- Cảnh đẹp miền Tây- SaPa- Cảnh đẹp ở Huế- <p>II. CÁCH VẼ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tìm và chọn nội dung đề tài- Tìm bố cục- Vẽ phát nét chính- Vẽ chi tiết- Vẽ màu <p>III. THỰC HÀNH (TIẾT 2)</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh thực hành vẽ tranh phong cảnh- Khô giấy: A3 | <p>Miền Bắc</p> <div data-bbox="842 573 1102 775"></div> <p>Vịnh Hạ Long</p> <div data-bbox="1174 573 1441 775"></div> <p>Hồ Gươm</p> <p>Miền Trung</p> <div data-bbox="842 887 1114 1077"></div> <p>Tháp Chăm</p> <div data-bbox="1169 887 1445 1077"></div> <p>Hội An</p> <p>Miền Nam</p> <div data-bbox="842 1189 1123 1391"></div> <p>Đồng Tháp</p> <div data-bbox="1174 1189 1445 1391"></div> <p>Bến Nhà Rồng</p> <p>THAM KHẢO 1 SỐ BÀI MẪU</p> <div data-bbox="823 1525 1142 1760"></div> <div data-bbox="1161 1525 1469 1760"></div> <div data-bbox="823 1805 1142 2018"></div> <div data-bbox="1161 1805 1469 2018"></div> |

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 8

BÀI 5: VẼ TRANG TRÍ:
TRÌNH BÀY KHẨU HIỆU

| Hoạt động của HS | Đồ dùng/ Phương tiện/ sản phẩm của HS |
|--|--|
| <p>I. QUAN SÁT NHẬN XÉT</p> <ul style="list-style-type: none">- Khẩu hiệu là một câu tuyên truyền ngắn gọn.VD: ĐOÀN KẾT, CHĂM NGOAN, LỄ PHÉP...- Kiểu chữ, màu sắc phù hợp nội dung. <p>II. CÁCH TRÌNH BÀY KHẨU HIỆU</p> <ul style="list-style-type: none">- Ước lượng khuôn khổ của dòng chữ (chiều cao, chiều ngang).- Vẽ phác nét chữ.- Kẻ chữ- Vẽ màu nền và chữ <p>III. THỰC HÀNH</p> <p>Học sinh thực hành bài vẽ trang trí Trình Bày Khẩu Hiệu trên giấy A3</p> <p><i>KHẨU HIỆU HS TỰ CHỌN</i></p> |     <p>ví dụ Kẻ chữ: DẠY TỐT – HỌC TỐT</p>  <p>Phác khoảng cách của các con chữ, câu chữ</p>  <p>Phác nét chữ</p>   |

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 9

HỌC Ở HỌC KỲ II

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 6

(Chân Trời Sáng Tạo)

CHỦ ĐỀ: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC

BÀI 3: TRANH IN HOA LÁ (Tiết 2)

| Hoạt động của HS | Đồ dùng/ Phương tiện/ sản phẩm của HS |
|--|--|
| <p>Hoạt động 3 : luyện tập – sáng tạo</p> <p>Tạo bức tranh in hoa, lá.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS chọn khuôn in bằng vật liệu sẵn có hoặc tự tạo.- HS thực hiện in bức tranh hoa, lá theo ý thích.- HS sử dụng vật liệu tái chế để tạo khuôn in.- HS thực hành in tranh theo ý thích và phối hợp màu sắc hài hòa, linh hoạt khi in tranh. <p><i>Có thể tạo khuôn in bằng những vật liệu như: hoa, lá, rau, củ, quả, bìa các tông, nắp hộp, tẩy, tăm bông..</i></p> <p>Hoạt động 4 : phân tích – đánh giá</p> <p>Trung bày các sản phẩm và chia sẻ.</p> <p>Nêu cảm nhận và phân tích:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bức tranh in hoa, lá em yêu thích.- Biểu cảm của nét, hình, màu trong tranh.- Kỹ thuật in và chất lượng hình in.- Cách điều chỉnh để hoàn thiện và nâng cao tính thẩm mỹ cho bức tranh. | <p>- HS hoàn thành sản phẩm.</p> <div data-bbox="842 622 1091 954"></div> <div data-bbox="1129 723 1445 954"></div> <div data-bbox="823 1070 1117 1308"></div> <div data-bbox="1142 1151 1468 1308"></div> <ul style="list-style-type: none">• Thông qua phân tích - đánh giá, nhận xét của GV và HS các nhóm đã có những bức tranh đẹp và hoàn thiện hơn.• Tham khảo một số sản phẩm đẹp. <div data-bbox="858 1800 1129 2038"></div> <div data-bbox="1149 1823 1474 2038"></div> |

Hoạt động 5 : vận dụng – phát triển

Tìm hiểu nghệ thuật tranh in trong đời sống.

Quan sát và chỉ ra hình ảnh trong tranh, màu sắc, đường nét và cách tạo bức tranh.

- Tranh in thuộc lĩnh vực đồ họa tạo hình, được thể hiện bằng cách gián tiếp đưa chấm, nét, hình, màu từ một khuôn in lên mặt giấy, vải...để thể hiện ý tưởng của họa sĩ.
- Kỹ thuật và hình in có thể ứng dụng trên nhiều loại sản phẩm phục vụ đời sống như: vải, giấy gói hàng, giấy dán tường, áo, váy, mũ, ba lô, giày...

Kỹ thuật in đồ họa được sử dụng khá phổ biến trong đời sống, có thể tạo ra tác phẩm mỹ thuật, nâng cao giá trị sử dụng và tính thẩm mỹ cho sản phẩm.



PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 7



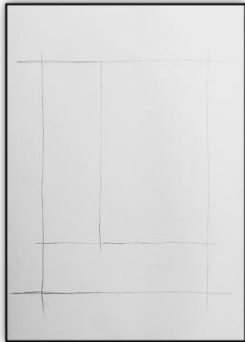
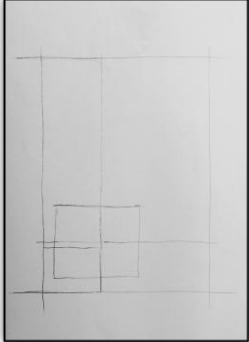
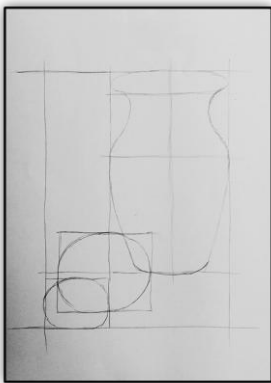
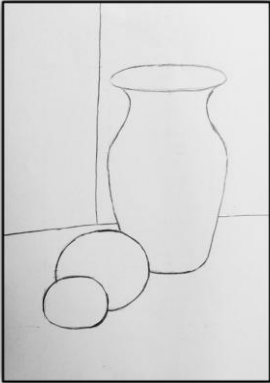
**BÀI 6: VẼ TRANH: TRANH PHONG CẢNH
(TIẾT 2)**

- **HỌC SINH THỰC HÀNH VẼ TRANH PHONG CẢNH MÀ EM YÊU THÍCH**
- **KHỔ GIẤY: A3**
- **MÀU SẮC: TỰ CHỌN**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 8

BÀI 6: VẼ THEO MẪU: LỌ VÀ QUẢ

TIẾT 1: DỰNG HÌNH

| Hoạt động của HS | Đồ dùng/ Phương tiện/ sản phẩm của HS |
|---|---|
| <p>I. QUAN SÁT NHẬN XÉT</p> <ul style="list-style-type: none">- Xác định vị trí vật mẫu- So sánh hình dáng chung của vật mẫu- Ước lượng kích thước, tỉ lệ của vật mẫu- Độ đậm nhạt, sáng tối của mẫu. <p>II. CÁCH VẼ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Vẽ phác khung hình chung- Vẽ phác khung hình riêng- Vẽ phác nét chính- Vẽ chi tiết hoàn chỉnh bài. | <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around;"><div style="text-align: center;"> </div><div style="text-align: center;"> Vẽ phác khung hình chung</div><div style="text-align: center;"> Vẽ phác khung hình riêng</div><div style="text-align: center;"> Vẽ phác nét chính</div><div style="text-align: center;"> Vẽ chi tiết</div></div> |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: MỸ THUẬT - KHỐI LỚP 9**

HỌC Ở HỌC KỲ II

Tuần 5: Câu hỏi ôn tập kiểm tra đánh giá thường xuyên

Bài 1: Chương trình bảng tính là gì

* Nội dung:

1. Bảng và nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng

2. Màn hình làm việc của Excel

3. Nhập dữ liệu vào trang tính

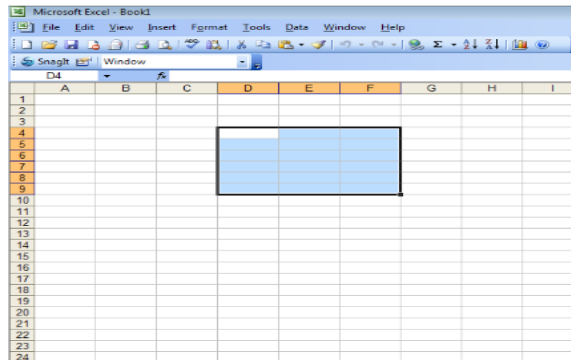
*Câu hỏi ôn tập

1. Một trang tính trong chương trình bảng tính?

- A. Gồm các cột và các hàng
- B. Là miền làm việc chính của bảng tính
- C. Là một thành phần của bảng tính
- D. Cả 3 phương án trên

2. Trong hình bên, khối ô được chọn là

- A. D9:F9
- B. D4:F4
- C. D4:F9
- D. D4:D9



3. Chọn câu trả lời đúng:

- A. Bảng tính ít được dùng trong cuộc sống
- B. Có thể thực hiện tính toán tự động trên các bảng tính thực hiện bằng tay
- C. Khi dữ liệu ban đầu thay đổi thì kết quả tính toán trong bảng tính điện tử được thay đổi một cách tự động mà không cần phải tính toán lại
- D. Chương trình bảng tính điện tử chỉ có thể xử lý dữ liệu dạng số

4. Đáp án nào dưới đây *không phải* là công dụng của việc trình bày văn bản bằng bảng?

- A. Thực hiện nhu cầu tính toán
- B. Thực hiện nhu cầu chỉnh sửa, trang trí văn bản
- C. Vẽ các biểu đồ với số liệu tương ứng trong bảng
- D. Thông tin được trình bày cô đọng, dễ hiểu, dễ so sánh

5. Liệt kê những thành phần có trên màn hình Excel nhưng lại không có trên màn hình Word

- A. Thanh công thức, ô, thanh cuộn dọc
- B. Thanh công cụ, thanh công thức
- C. Thanh công thức, bảng chọn Data (dữ liệu), trang tính

D. Thanh công thức, ô, thanh bảng chọn

6. Sheet 1, Sheet 2, Sheet 3, ... là:

- A. Tên của tệp tin bảng tính
- B. Tên của các trang tính
- C. Tên của các cột trong bảng tính
- D. Tên của các hàng trong bảng tính

7. Trong trang tính:

- A. Ô là nơi chứa dữ liệu
- B. Ô là giao của cột và hàng
- C. Mỗi ô có một địa chỉ riêng
- D. Tất cả các ý trên

8. A4,C7 là:

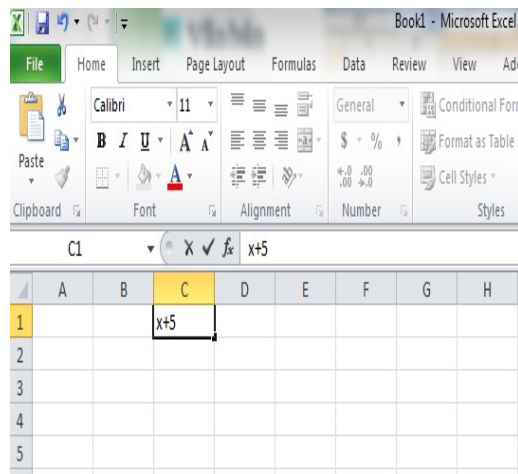
- A. Địa chỉ của ô A4
- B. Địa chỉ của ô C7
- C. Địa chỉ của khối ô từ A4 đến C7
- D. Tất cả các ý trên đều sai

9. Thao tác nhập dữ liệu vào một ô trang tính:

- A. Chọn ô, nhập dữ liệu từ bàn phím, gõ Enter
- B. Chọn ô, gõ dấu =, nhập dữ liệu từ bàn phím, gõ Enter
- C. Nhập dữ liệu từ bàn phím, gõ Enter
- D. Tất cả các thao tác trên

10. Dạng dữ liệu chứa trong ô C1 ở hình dưới đây là dạng:

- A. Số
- B. Công thức
- C. Văn bản
- D. Hàm



Bài 2: các thành phần chính và dữ liệu trên trang tính

* Nội dung:

1. Bảng tính

2. Các thành phần chính trên trang tính

3. Dữ liệu trên trang tính

4. Trộn các đối tượng trên trang tính

* Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Ta dùng lệnh File → Open có công dụng:

- A. Lưu bảng tính
- B. Mở bảng tính mới
- C. Lưu bảng tính với tên khác
- D. Mở bảng tính đã có sẵn

Câu 2: Ô là giao điểm của một cột và một hàng, địa chỉ ô nào sau đây là sai?

- A.10H
- B.C9
- C.H5
- D.AA14

Câu 3: Hộp tên dùng để làm gì?

- A. Hiện thị địa chỉ ô đang chọn
- B. Hiện thị công thức ô đang chọn
- C. Hiện thị kết quả
- D. Không xuất hiện gì cả

Câu 4: Khi nhập dữ liệu vào bảng tính thì

- A. Dữ liệu kiểu số sẽ mặc nhiên canh trái trong ô.
- B. Dữ liệu kiểu số sẽ mặc nhiên canh phải trong ô.
- C. Dữ liệu kiểu kí tự sẽ mặc nhiên canh phải trong ô.
- D. Câu a và c sai.

Câu 5: Khối là một nhóm ô liền kề nhau tạo thành hình chữ nhật, như vậy khối có thể là:

- A.Một ô.
- B. Một dòng.
- C. Một cột.
- D.Tất cả đều đúng.

Câu 6: Ta dùng lệnh File →Exit có công dụng:

- A. Thoát Khỏi Excel
- B.Mở bảng tính mới
- C.Lưu bảng tính với tên khác
- D.Mở bảng tính đã có sẵn

Câu 7: Cụm từ F5 trong hộp tên

- A. Phím chức năng F5
- C. Ô ở cột F hàng 5

có nghĩa là:

- B. Phong chữ hiện thời là F5
- D. Ô ở hàng F cột 5

Câu 8: Ta dùng lệnh File → Save có công dụng:

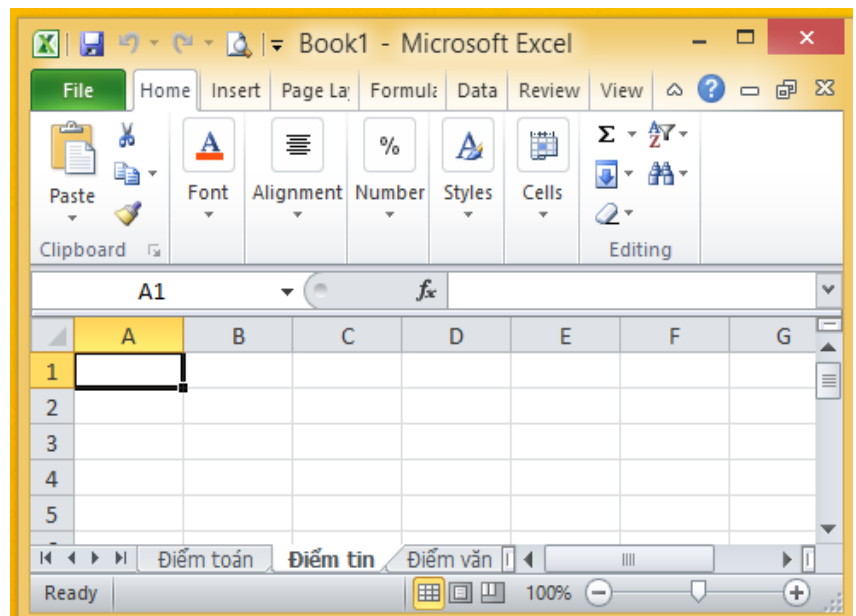
- A. Lưu bảng tính
- B. Mở bảng tính mới
- C. Lưu bảng tính với tên khác
- D. Mở bảng tính đã có sẵn

Câu 9: Khối B1:D5 gồm bao nhiêu ô tính?

- A. 2
- B. 5
- C. 15
- D. 20

Câu 10: Trong bảng tính trên trang tính nào đang được kích hoạt

- A. Điểm toán
- B. Điểm tin
- C. Điểm văn
- D. Điểm toán, Điểm văn, Điểm tin



Tuần 6: Nội dung ghi chép bài 3: Thực hiện tính toán trên trang tính (T1)

1. Sử dụng công thức để tính toán

Ưu điểm:

- Thực hiện các tính toán nhanh chóng, chính xác và lưu lại kết quả.
- Thay đổi kết quả tùy theo dữ liệu tương ứng mà không cần viết lại công thức.

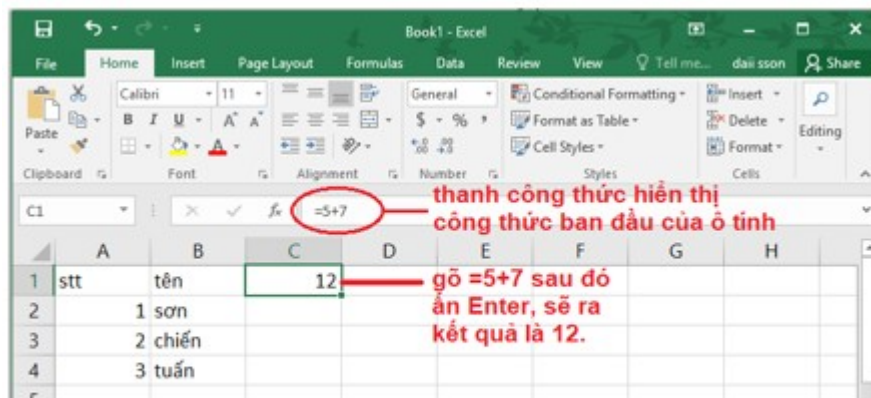
Các phép toán được sử dụng:

| Phép toán | Kí hiệu toán | Kí hiệu Excel | Ví dụ |
|--------------------|--------------|---------------|-------|
| Phép cộng | + | + | 1+2 |
| Phép trừ | - | - | 2-1 |
| Phép nhân | X | * | 2*2 |
| Phép chia | : | / | 4/2 |
| Phép lũy thừa | $(a)^n$ | ^ | 2^3 |
| Phép lấy phần trăm | % | % | 5%2 |

- Thứ tự ưu tiên khi tính toán: từ trái qua phải * / + -
- Thực hiện các phép toán trong dấu ngoặc () trước, sau đó là phép lũy thừa, sau đó là * / + -

2. Nhập công thức

- Khi nhập công thức vào 1 ô, bắt buộc phải gõ dấu =.
- Các bước thực hiện:
 - + B1: chọn ô tính cần thao tác
 - + B2: gõ dấu =
 - + B3: nhập công thức
 - + B4: ấn phím Enter để kết thúc



Hình 3.1. hiển thị công thức và kết quả

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Trong Excel, Các kí hiệu dùng để kí hiệu các phép toán

- A. + - . :
- B. + - * /
- C. ^ / : x
- D. + - ^ \

Câu 2. Khi gõ công thức vào một ô, kí tự đầu tiên phải là:

- A. Ô đầu tiên tham chiếu tới
- B. Dấu ngoặc đơn
- C. Dấu nháy
- D. Dấu bằng

Câu 3. Sắp xếp theo đúng thứ tự các bước nhập công thức vào ô tính:

1. Nhấn Enter
2. Nhập công thức
3. Gõ dấu =
4. Chọn ô tính

- A. 4; 3; 2; 1
- B. 1; 3; 2; 4

C. 2; 4; 1; 3

D. 3; 4; 2; 1

Câu 4: Trong các công thức sau, công thức nào thực hiện được khi nhập vào bảng tính?

A. = (12+8)/2^2 + 5 * 6

B. = (12+8):22 + 5 x 6

C. = (12+8):2^2 + 5 * 6

D. (12+8)/22 + 5 * 6

Cho phép tính sau: $(25+7) : (56-25) \times (8 : 3) : 2+64 \times 3\%$

Câu 5: Phép tính nào thực hiện được trong chương trình bảng tính?

A. =(25+7)/(56-25)x(8/3)/2+6^4x3%

B. =(25+7)/(56-2^5)x(8/3):2+6^4x3%

C. =(25+7)/(56-2^5)*(8/3)/2+6^4* 3%

D. =(25+7)/(56-2/5)x(8/3)/2+6^4x3%

Câu 6: Trong các công thức nhập vào ô tính để tính biểu thức $(9+7)/2$ thì công thức nào toán học sau đây là đúng?

A. (7 + 9)/2

B. = (7 + 9):2

C. = (7 +9)/2

D. = 9+7/2

Câu 7: Để kết thúc việc nhập công thức ta sử dụng thao tác:

A. Nhấn Enter

B. Nháy chuột vào nút

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 8. Nếu chọn ô có công thức, em sẽ thấy nội dung công thức được hiển thị ở đâu?

- A. Hiển thị trong ô tính
- B. Hiển thị trên thanh công thức
- C. Hiển trong hộp tên
- D. Không hiển thị công thức

Câu 9. Sắp xếp theo đúng thứ tự thực hiện các phép toán trong bảng tính:

1. Các phép lũy thừa
2. Các phép toán trong dấu ngoặc () thực hiện trước
3. Phép cộng và phép trừ
4. Phép nhân và phép chia

A. 1-2-3-4

B. 1-2-4-3

C. 4-3-2-1

D. 2-1-4-3

Câu 10: Thông thường trong Excel dấu chấm (.) dùng để làm gì?

- A. Phân cách hàng nghìn, hàng triệu
- B. Phân cách phần nguyên và phần thập phân**
- C. Cả A, B đều đúng
- D. Cả A, B đều sai

LUYỆN TẬP: LŨY THỪA CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ

A_KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Định nghĩa: Lũy thừa bậc n của một số hữu tỉ x , kí hiệu x^n là tích của n thừa số x (n là số tự nhiên lớn hơn 1)

$$x^n = \underbrace{x \cdot x \cdot \dots \cdot x}_{n \text{ thừa số}} \quad (x \in \mathbb{Q}, n \in \mathbb{N}, n > 1)$$

- Quy ước: $x^1 = x$ với $\forall x \in \mathbb{Q}$; $x^0 = 1$ với $\forall x \neq 0$.

- Khi số hữu tỉ $x = \frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$) ta có: $\left(\frac{a}{b}\right)^n = \frac{a^n}{b^n}$.

2. Các phép toán về lũy thừa

- Tích hai lũy thừa cùng cơ số:

$$x^m \cdot x^n = x^{m+n} \quad (x \in \mathbb{Q}, m, n \in \mathbb{N}).$$

- Thương hai lũy thừa cùng cơ số:

$$x^m : x^n = x^{m-n} \quad (x \in \mathbb{Q}^*, m, n \in \mathbb{N}, m > n).$$

- Lũy thừa của lũy thừa:

$$(x^m)^n = x^{m \cdot n} \quad (x \in \mathbb{Q}, m, n \in \mathbb{N}).$$

- Lũy thừa của một tích:

$$(x \cdot y)^n = x^n \cdot y^n \quad (x, y \in \mathbb{Q}, n \in \mathbb{N}).$$

- Lũy thừa của một thương: $\left(\frac{x}{n}\right)^n = \frac{x^n}{n^n} \quad (x, y \in \mathbb{Q}, n \in \mathbb{N})$

B_LUYỆN TẬP:

Dạng 1. Tính giá trị của biểu thức:

Bài 40/SGK

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & \left(\frac{3}{7} + \frac{1}{2}\right)^2 \\ & = \left(\frac{6}{14} + \frac{7}{14}\right)^2 = \left(\frac{13}{14}\right)^2 \end{aligned}$$

$$= \frac{169}{196}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } \frac{5^4 \cdot 20^4}{25^5 \cdot 4^5} &= \frac{5^4 \cdot 20^4}{25^4 \cdot 4^4 \cdot 25 \cdot 4} \\ &= \left(\frac{5 \cdot 20}{25 \cdot 4}\right)^4 \cdot \frac{1}{100} = \frac{1}{100} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d) } \left(\frac{-10}{3}\right)^5 \cdot \left(\frac{-6}{5}\right)^4 \\ &= \frac{(-10)^5 \cdot (-6)^4}{3^5 \cdot 5^4} \\ &= \frac{(-2^5) \cdot 5^5 \cdot (-2)^4 \cdot 3^4}{3^5 \cdot 5^4} \\ &= \frac{(-2)^9 \cdot 5}{3} = -853 \frac{1}{3} \end{aligned}$$

Bài 41/SGK

$$\begin{aligned} \text{a) } \left(1 + \frac{2}{3} - \frac{1}{4}\right) \cdot \left(\frac{4}{5} - \frac{3}{4}\right)^2 \\ &= \left(\frac{12}{12} + \frac{8}{12} - \frac{3}{12}\right) \cdot \left(\frac{16}{20} - \frac{15}{20}\right)^2 \\ &= \left(\frac{17}{12}\right) \cdot \left(\frac{1}{20}\right)^2 = \frac{17}{12} \cdot \frac{1}{400} \\ &= \frac{17}{4800} \end{aligned}$$

Dạng 2: Viết biểu thức dưới dạng một lũy thừa:

Bài 40/SBT: Viết các số sau dưới dạng lũy thừa với số mũ khác 1:

$$\begin{aligned} 125 &= 5^3; \quad -125 = (-5)^3 \\ 27 &= 3^3; \quad -27 = (-3)^3 \end{aligned}$$

Bài 45/SBT

Viết các biểu thức số sau dưới dạng a^n ($a \in \mathbb{Q}; n \in \mathbb{N}$)

$$\begin{aligned} \text{a) } 9 \cdot 3^3 \cdot \frac{1}{81} \cdot 3^2 \\ = 3^3 \cdot 9 \cdot \frac{1}{9^2} \cdot 9 \\ = 3^3 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 4 \cdot 2^5 : \frac{2^3}{2^4} \\ = 2^2 \cdot 2^5 : \frac{2^3}{2^4} \\ = 2^7 : \frac{1}{2} = 2^8 \end{aligned}$$

Dạng 3. So sánh hai lũy thừa:

Bài 38/SGK

- a) Viết các số 2^{27} và 3^{18} dưới dạng các lũy thừa có số mũ là 9.
 b) Trong hai số 2^{27} và 3^{18} số nào lớn hơn.

Giải:

a) Ta có $2^{27} = (2^3)^9 = 8^9$

$$3^{18} = (3^2)^9 = 9^9$$

b) Vì $8 < 9$ nên $8^9 < 9^9$ hay $2^{27} < 3^{18}$

Dạng 4. Tìm số chưa biết:

Bài 42/SGK

$$\begin{aligned} \text{b) } \frac{(-3)^n}{81} &= -27 \\ (-3)^n &= 81 \cdot (-27) \\ (-3)^n &= (-3)^7 \\ n &= 7 \end{aligned}$$

c) $8^n : 2^n = 4$

$$\begin{aligned} \left(\frac{8}{2}\right)^n &= 4 \\ 4^n &= 4^1 \\ n &= 1 \end{aligned}$$

Bài 46/SBT: Tìm các số tự nhiên n, biết:

- a) $2 \cdot 16 \stackrel{!}{=} 2^n \stackrel{!}{=} 4$
 b) $9 \cdot 27 \stackrel{!}{=} 3^n \stackrel{!}{=} 243$

Giải:

- a) $2 \cdot 2^4 \stackrel{!}{=} 2^n \stackrel{!}{=} 2^2$
 $2^5 \stackrel{!}{=} 2^n \stackrel{!}{=} 2^2$
 $5 \stackrel{!}{=} n \stackrel{!}{=} 2$
 $n \stackrel{!}{=} \{2; 3; 4; 5\}$
 b) $9 \cdot 27 \stackrel{!}{=} 3^n \stackrel{!}{=} 243$
 $3^5 \stackrel{!}{=} 3^n \stackrel{!}{=} 3^5$
 $n = 5$

C DẶN DÒ:

* Xem lại các bài tập đã sửa.

* Làm bài tập: _ 39 (SGK/trang 23)

Chứng minh:

- a) $A = 2^{20} - 2^{17}$ chia hết cho 7
 b) $B = 10^6 + 5^7$ chia hết cho 69
 c) $3^{10} \cdot 199 - 3^9 \cdot 500$ chia hết cho 97

Tìm x:

- a) $|2 - x| = 3,7$
 b) $|10 - x| + |8 - x| = 0$

Bài chứng minh chia hết: ta biến đổi thành tích trong đó có thừa số chia hết cho số cần chứng minh chia hết.

Bài tìm x lưu ý: Nếu một GTTĐ bằng một số dương thì biểu thức trong GTTĐ bằng số đó hay bằng số đối của số đó; GTTĐ luôn bằng một số không âm.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN 7

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

TUẦN 4: CHỦ ĐỀ 4: TẠO LẬP VĂN BẢN

Tiết 13, 14: Tập làm văn

QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

* Hoạt động 1:

1. Đọc yêu cầu trong sách giáo khoa.
2. Trả lời các câu hỏi sau đây :
 - Khi nào thì người ta có nhu cầu tạo lập (làm ra, viết, nói) văn bản?
 - Để tạo lập văn bản, trước hết chúng ta phải xác định bốn vấn đề nào?
 - Sau khi xác định bốn vấn đề đó, chúng ta cần phải làm gì để viết được văn bản?
 - Tại sao chúng ta cần phải thực hiện bước kiểm tra sau khi hoàn thành văn bản?

* Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

I. TÌM HIỂU BÀI

Các bước tạo lập văn bản

- **Bước 1:** Định hướng văn bản
 - + Viết cho ai?
 - + Viết để làm gì?
 - + Viết về cái gì?
 - + Viết như thế nào?
- **Bước 2:**
 - + Tìm ý
 - + Sắp xếp ý
 - + Lập dàn ý: 3 phần (Mở bài, thân bài, kết bài)
 - > Tạo ra bố cục rõ ràng, rành mạch, hợp lí.
- **Bước 3:** Viết bài (Diễn đạt các ý ghi trong bố cục)
- **Bước 4:** Kiểm tra lại bài

II. GHI NHỚ (SGK/46)

B. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

* Bài tập 2 (SGK/46):

Bài viết của bạn không phù hợp vì bạn đã định hướng sai ở trong bước 1. Cụ thể như sau:

| Yêu cầu định hướng | Định hướng sai | Định hướng đúng |
|--------------------|---|-------------------------------------|
| - Mục đích | Viết để tường thuật lại quá trình học tập của bản thân. | Viết để truyền kinh nghiệm học tốt. |
| - Nội dung | Báo cáo thành tích học tập. | Báo cáo kinh nghiệm học tập. |
| - Đối tượng | Viết cho thầy cô | Viết cho bạn bè |
| - Cách thức | Xưng hô thầy - em (con). | Xưng hô bạn - mình |

*** Bài tập 3 (SGK/46, 47):** Cách trình bày dàn bài (cách trình bày bước 2).

a. Các câu trong dàn bài phải rõ ý, ngắn gọn, nhưng không cần hoàn chỉnh, không cần tuyệt đối đúng ngữ pháp và không nhất thiết phải liên kết chặt chẽ với nhau. Vì dàn bài mới chỉ là dạng đề cương, chưa phải là bản thân văn bản.

b. Các phần, các mục lớn nhỏ trong dàn bài được phân biệt với nhau qua một hệ thống kí hiệu nhất quán và việc trình bày các mục phải thống nhất, rõ ràng, rành mạch, hợp lí.

*** Bài tập 4 (SGK/47):**

Để viết bức thư phải thực hiện lần lượt 4 bước tạo lập văn bản:

Bước 1: Định hướng

- Đối tượng: Viết cho bố
- Mục đích: Viết để xin lỗi bố
- Nội dung: Thể hiện nỗi ân hận và xin được tha thứ
- Cách thức: Chân thành, hối lỗi

Bước 2: Xây dựng bố cục

Mở bài: Lí do viết thư

Thân bài:

- Ý lớn 1: Bày tỏ sự ân hận
 - + Ân hận vì đã nói lời thiếu lễ độ
 - + Ân hận vì đã làm bố mẹ buồn
 - + Ân hận vì vi phạm đạo làm con
- Ý lớn 2: Xin được tha thứ
 - + Nhận lỗi
 - + Tự đặt hình phạt cho bản thân
 - + Xin bố tha thứ

Kết bài: Lời hứa không tái phạm

Bước 3: Diễn đạt các ý thành bài văn.

Bước 4: Kiểm tra

CHỦ ĐỀ 4: TẠO LẬP VĂN BẢN

Tiết 15 , 16 - Tập làm văn:

LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

I. ĐỀ BÀI

Em cần viết một bức thư để tham gia cuộc thi viết thư do Liên minh Bưu chính Quốc tế (UPU) tổ chức với đề tài: *Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.*

II. LUYỆN TẬP

1. Tìm hiểu đề và tìm ý

2. Lập dàn bài

a. Mở bài:

- Địa điểm viết thư
- Lời chào
- Lời xưng hô, hỏi thăm sức khỏe bạn, gia đình bạn
- Ca ngợi đất nước bạn
- Lí do viết thư

b. Thân bài:

Giới thiệu đất nước mình:

- Vẻ đẹp tự nhiên: Bờ biển dài với nhiều sản vật quý hiếm, có nhiều danh lam thắng cảnh:
 - + Vẻ đẹp Hồ Gươm (Hà Nội): Lăng hoa giữa lòng thành phố; quần thể kiến trúc Hồ Gươm (Tháp Bút, đền Ngọc Sơn,..)
 - + Vẻ đẹp Vịnh Hạ Long: Nhiều động đẹp lung linh, biển xanh, con người mến khách...
 - + Vẻ đẹp Huế: Sông Hương, núi Ngự, cầu Tràng Tiền: thơ mộng lung linh, những câu hò tha thiết.
 - Truyền thống lịch sử: Trải qua nhiều cuộc kháng chiến và giành thắng lợi vẻ vang.
 - Bản sắc văn hóa dân tộc: Tết, lễ hội...
- => Tự hào về quê hương đất nước.

c. Kết bài:

- Lời chào
- Lời chúc
- Lời mời

3. Viết và trình bày đoạn văn

* Hoạt động 3: luyện tập – vận dụng- mở rộng

Hoàn thành bài văn viết thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.

.....

TUẦN 5

CHỦ ĐỀ 5: THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 17 – Văn bản:

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

(Nam quốc sơn hà)

Hoạt động 1: Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu

1. Em hãy đọc văn bản “Sông núi nước Nam”, đọc phần chú thích trong SGK. Hãy gạch chân dưới những từ ngữ, nội dung quan trọng trong văn bản.

2. Chia bố cục của văn bản

-Phần 1(2 câu thơ đầu): **Khẳng định chủ quyền lãnh thổ.**

-Phần 2(2 câu thơ cuối): Lời cảnh báo đanh thép với quân xâm lược và ý chí quyết chiến, quyết thắng .

3. Trả lời các câu hỏi sau đây :

- *Sông núi nước Nam* được coi là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta viết bằng thơ.

+Thể nào là một Tuyên ngôn Độc lập?

+Nội dung Tuyên ngôn Độc lập trong bài thơ này là gì?

Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

I. Đọc – hiểu chú thích

Xem SGK/64

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Hai câu thơ đầu

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

=> Giọng thơ hùng hồn đanh thép.

=>Khẳng định độc lập chủ quyền về lãnh thổ đất nước.

2. Hai câu thơ cuối

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

=>Câu hỏi tu từ, giọng thơ đanh thép.

=>Khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền trước kẻ thù.

3. Tổng kết

a.Nghệ thuật:

- Thể loại: Thơ Đường luật (thất ngôn tứ tuyệt).

- Sử dụng câu hỏi tu từ, giọng điệu thơ hùng hồn, đanh thép.

b. Nội dung:

Sông núi nước Nam là bản Tuyên ngôn Độc lập lần đầu tiên khẳng định chủ quyền của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

Nếu có bạn thắc mắc sao không nói là “ Nam nhân cư” (người Nam ở) mà lại nói “Nam đế cư” (vua Nam ở) thì em sẽ giải thích như thế nào?

Tiết 18 - Văn bản:

BÁNH TRÔI NƯỚC

(Hồ Xuân Hương)

*** Hoạt động 1 : Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu**

1. Em hãy đọc văn bản, đọc phần chú thích trong SGK. Hãy gạch chân dưới những từ ngữ, nội dung quan trọng trong văn bản.
2. Trả lời các câu hỏi sau đây:
 - Bài thơ thuộc thể thơ gì? Vì sao?
 - Tìm nghĩa thứ nhất, nghĩa thứ hai của bài thơ.
 - Ở nghĩa thứ nhất bánh trôi nước được miêu tả như thế nào?
 - Với nghĩa thứ hai, vẻ đẹp, phẩm chất cao quý và thân phận chìm nổi của người phụ nữ được gợi tả như thế nào?
 - Theo em, nghĩa nào quyết định giá trị bài thơ?

*** Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học**

I. Đọc – Hiểu chú thích:

1. Tác giả:

(SGK/ 95)

2. Tác phẩm:

(SGK/ 95)

II. Đọc - Hiểu văn bản:

1. Hình ảnh chiếc bánh trôi nước (nghĩa tả thực)

- Màu sắc: Trắng
- Hình dáng: Tròn
- Quá trình nấu: Bày nổi ba chìm
- Cách tạo hình: Rắn nát

- Nhân bánh: Lòng son

=> Sử dụng hàng loạt các tính từ miêu tả.

=> Miêu tả chân thực, chính xác về hình dáng chiếc bánh trôi và các bước làm bánh.

2. Hình ảnh người phụ nữ (nghĩa ẩn dụ)

a. Về đẹp hình thể

- “Thân em vừa trắng vừa tròn ”

-> Mô típ nghệ thuật, ẩn dụ

-> Điệp ngữ

=> Ca ngợi người phụ nữ xinh đẹp.

b. Thân phận

-“Bảy nổi ba chìm”

-> Đảo thành ngữ

=> Chìm nổi, bấp bênh

- “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”

-> Cặp từ đối lập

=> Cuộc đời bị lệ thuộc .

c. Về đẹp phẩm chất

- “Mà em vẫn giữ tấm lòng son”

->Ẩn dụ

=> Ca ngợi sự son sắt, thủy chung, tình nghĩa.

=> Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ.

III. Tổng kết:

Ghi nhớ: SGK/ 95

Hoạt động 3: Vận dụng – Mở rộng

1. Sưu tầm các bài thơ Nôm của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nói về chủ đề người phụ nữ và đọc diễn cảm .
2. Bài thơ “ Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương đã đem lại cho em những cảm nhận về người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến xưa. Liên hệ với người Phụ nữ Việt Nam thời hiện tại, viết đoạn văn (8 đến 10 câu) nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ Việt Nam xưa và nay.

Tiết 19, 20: Văn bản:

QUA ĐÈO NGANG

(Bà Huyện Thanh Quan)

*** Hoạt động 1: Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu**

1. Em hãy đọc văn bản, đọc phần chú thích trong SGK. Hãy gạch chân dưới những từ ngữ, nội dung quan trọng trong văn bản.

2. Trả lời các câu hỏi sau đây:

- Nhận diện về đặc trưng của thơ thất ngôn bát cú Đường luật qua bài thơ Qua Đèo Ngang.
- Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả như thế nào?
- Ở thời điểm miêu tả đó có lợi gì trong việc bộc lộ tâm trạng của tác giả?
- Hình dung tâm trạng của tác giả khi qua Đèo Ngang?
- Nhận xét về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

*** Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học**

I. Đọc – Hiểu chú thích

- Tác giả : tên thật là Nguyễn Thị Hinh, là một nữ sĩ tài hoa hiếm có thời Trung đại.
- Tác phẩm: thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật.
- Bố cục: 4 phần: đề, thực, luận, kết.

II. Đọc – Hiểu văn bản

1. Hai câu đề:

“Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.”

- Điệp ngữ, liệt kê

=> Cảnh đẹp hoang sơ, vắng lặng gợi buồn.

2. Hai câu thực

“Lom khom dưới núi, tiều vài chú,

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.”

- Từ láy gợi hình, phép đối, đảo ngữ.

=> Có hình ảnh con người nhưng thưa thớt, hoang vắng.

3. Hai câu luận

“Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,

Thương nhà mỗi miệng, cái gia gia.”

- Chơi chữ, phép đối

=> Bộc lộ nỗi buồn hoài cổ, tâm trạng nhớ quê nhà da diết.

4. Hai câu kết

“Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,

Một mảnh tình riêng, ta với ta.”

-Phép đối (trời, non, nước<>một mảnh tình riêng)

- Đại từ “ta với ta”

=> Tâm trạng cô đơn, buồn bã của tác giả trước thiên nhiên rộng lớn, vắng vẻ, đìu hiu.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sử dụng thể thơ Thất ngôn bát cú một cách điêu luyện.
- Tả cảnh ngụ tình.
- Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm, phép đối rất hiệu quả.

2. Nội dung:

- Diễn tả nỗi buồn cô đơn, thâm lặng, nỗi nhớ nhà trước cảnh Đèo Ngang thoáng đãng, hoang sơ.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG- MỞ RỘNG

Viết đoạn văn ngắn (6-8 dòng) nêu lên cảm nghĩ của em sau khi học bài thơ “Qua Đèo Ngang”.

NHỮNG CÂU HỎI, THẮC MẮC CỦA EM CẦN ĐƯỢC THẦY CÔ GIẢI ĐÁP SAU KHI TỰ TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC BÊN TRÊN

- Họ và tên:

- Lớp:

- Câu hỏi thắc mắc cần giải đáp:

Các em hãy hoàn thành những nội dung hướng dẫn tự học và các câu hỏi thắc mắc cần giải đáp qua số điện thoại, zalo, gmail của cô nhé.